

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

ĐINH HỒNG THANH

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA
VIỆN KIỂM SÁT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN
CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
GS.TS. VÕ KHÁNH VINH**

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ

Đinh Hồng Thanh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội.....	8
1.2. Quy trình thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra vụ án của người chưa thành niên phạm tội	24
1.3. Các yếu tố bảo đảm thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội.....	26
Kết luận Chương 1	31
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI	32
2.1. Những yếu tố tác động đến thực tiễn thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội.....	32
2.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội tại tỉnh Quảng Ngãi	38
Kết luận Chương 2	55
CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI...	56
3.1. Quan điểm bảo đảm thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội.....	56

3.2. Giải pháp bảo đảm thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội.....	59
Kết luận Chương 3	75
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

ADPL	:	Áp dụng pháp luật
BLHS	:	Bộ luật hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	:	Cơ quan điều tra
ĐTV	:	Điều tra viên
HĐND	:	Hội đồng nhân dân
HĐTP	:	Hoạt động tư pháp
KSV	:	Kiểm sát viên
NCTN	:	Người chưa thành niên
QCT	:	Quyền công tố
QPPL	:	Quy phạm pháp luật
THQCT	:	Thực hành quyền công tố
TNHS	:	Trách nhiệm hình sự
TTHS	:	Tố tụng hình sự
VKS	:	Viện kiểm sát
VKSND	:	Viện kiểm sát nhân dân
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Người chưa thành niên (NCTN) phạm tội là một hiện tượng thực tế, tồn tại trong tất cả các xã hội. Trong những năm qua và nhất là thời điểm hiện nay, tình trạng NCTN phạm tội ở Việt Nam diễn biến rất phức tạp. Việc giải quyết vấn đề NCTN phạm tội là việc làm cần thiết để giữ nghiêm ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, nhưng cũng là một vấn đề phức tạp và tế nhị. Trước hết, do xuất phát từ đặc điểm tâm lý đang phát triển, nhân cách chưa được định hình, nhận thức chưa được đầy đủ nên một số em đã có hành vi phạm tội một cách không tự giác. Mặt khác, khi phạm tội các em là những người phạm tội, nhưng đồng thời cũng là những nạn nhân của sự thiếu giáo dục, chăm sóc của gia đình, nhà trường và xã hội; hành động của các em ít nhiều bị chi phối bởi hoàn cảnh khách quan hoặc bị xúi giục, lừa dối...

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đời sống kinh tế - xã hội của đất nước đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Song những ảnh hưởng từ mặt trái của kinh tế thị trường, từ những luồng tư tưởng, văn hoá độc hại xâm nhập thông qua hội nhập đã tác động tiêu cực đến tư tưởng, lối sống của không ít người, trong đó đáng kể là NCTN. Tình trạng NCTN phạm tội có chiều hướng gia tăng, tội phạm gây ra ngày càng phức tạp và có tính chất nghiêm trọng hơn. Đảng và nhà nước đã đề ra và thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, thông qua hoạt động của nhiều cấp, nhiều ngành nhằm giáo dục, ngăn chặn và hạn chế tình trạng NCTN phạm tội. Hoạt động Thực hành quyền công tố (THQCT) của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) trong điều tra các vụ án đối với NCTN phạm tội có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đấu tranh ngăn chặn tình trạng này, đồng thời góp phần có hiệu quả vào việc giáo dục ý

thức pháp luật, ý thức đạo đức cho thanh thiếu niên. Hoạt động của VKSND trong THQCT nói chung, THQCT ở giai đoạn điều tra đối với vụ án NCTN phạm tội nói riêng trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi phải được chú trọng và nâng cao chất lượng mới đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Điều tra vụ án hình sự là giai đoạn đầu tiên và quan trọng của cả quá trình tố tụng nhằm xác định rõ hành vi phạm tội của tội phạm. Công tác THQCT ở giai đoạn điều tra thực hiện đúng theo quy định của pháp luật sẽ giúp cho CQĐT, hoạt động đúng hướng, khởi tố vụ án, khởi tố bị can được đúng người đúng tội; hoạt động điều tra được đầy đủ, chính xác và kịp thời. Kết quả điều tra vụ án hình sự là điều kiện tiên quyết thiết thực, trực tiếp cho việc thực hiện quyền công tố (QCT), công tác kiểm sát việc truy tố và công tác xét xử của tòa án được đúng người, đúng tội, đúng chính sách pháp luật, tránh làm oan người vô tội và tránh bỏ lọt tội phạm.

Trong những năm qua, ngành Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều cố gắng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao và đã đạt được những thành tựu đáng kể trong hoạt động THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp, góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhà nước, của tập thể, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn, phục vụ tích cực nhiệm vụ chính trị địa phương.

Tuy nhiên, qua công tác tổng kết, đánh giá thực tế cho thấy, công tác THQCT vẫn còn bộc lộ một số yếu kém, hạn chế như: Nhiều kiểm sát viên (KSV), nhiều đơn vị không thực hiện được công tác THQCT ngay từ giai đoạn đầu, còn thụ động trong việc điều tra của Cơ quan điều tra (CQĐT). Hoặc là vì sợ trách nhiệm nên làm thay một số thao tác của điều tra viên (ĐTV), không theo dõi đề ra yêu cầu điều tra. Hoặc là bỏ mặc cho ĐTV tiến hành điều tra một cách độc lập, dẫn tới nhiều vụ án còn bị kéo dài, phải gia

hạn thời hạn điều tra, còn để lọt hành vi tội phạm, thậm chí còn làm oan người vô tội. Những vi phạm trên cho thấy chất lượng và hiệu quả của công tác THQCT trong hoạt động điều tra của ngành kiểm sát nhân dân vẫn còn bộc lộ yếu kém, dẫn đến tình trạng quyền của NCTN phạm tội có lúc, có nơi chưa được tôn trọng và bảo vệ, tác dụng giáo dục, phòng ngừa tội phạm, tội phạm do NCTN gây ra bị hạn chế. Những yếu kém trên do nhiều nguyên nhân khác nhau, có những nguyên nhân chủ quan cũng như những nguyên nhân khách quan. Trong đó chủ yếu là do ý thức pháp luật và năng lực áp dụng pháp luật trong hoạt động thực tiễn của CQĐT, VKSND.

Nhằm phát huy dân chủ và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong thực hành quyền công tố nói chung và THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự của NCTN nói riêng. Vai trò của VKSND rất quan trọng cần phải được nâng cao chất lượng và hiệu quả và coi đó là như là nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của ngành tư pháp.

Về phương diện lý luận, THQCT nói chung đã được giới khoa học pháp lý làm sáng tỏ. Tuy nhiên, thực tiễn THQCT ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự NCTN phạm tội vẫn còn là một vấn đề cần được nghiên cứu cụ thể hơn từ khái niệm đến đặc điểm, các giai đoạn áp dụng pháp luật và những yêu cầu cụ thể mà VKS cũng như KSV thực hiện.

Mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu liên quan về THQCT trong giai đoạn điều tra đối với NCTN phạm tội, nghiên cứu các biện pháp phòng ngừa NCTN phạm tội... Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống về THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội. Nhằm tạo cơ sở lý luận và đưa ra những giải pháp thiết thực, nâng cao hiệu quả trong hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra của VKS đối với vụ án NCTN phạm tội góp phần hạn chế, tiến tới ngăn chặn tình trạng NCTN phạm tội một cách hiệu quả. Chính vì vậy, học viên chọn đề tài

“Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi” làm luận văn tốt nghiệp cao học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến NCTN phạm tội và trong hoạt động THQCT đối với NCTN phạm tội đã được một số nhà khoa học và cán bộ làm công tác thực tiễn tiến hành, công bố trong nhiều công trình khoa học. Có một số luận án tiến sỹ, luận văn thạc sỹ, một số giáo trình giảng dạy, bài viết trên tạp chí và một số sách chuyên khảo đã nghiên cứu về vấn đề này.

Do vậy, việc nghiên cứu THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội nói chung và THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội ở tỉnh Quảng Ngãi nói riêng là việc làm cần thiết.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu, đề xuất, luận chứng các quan điểm đảm bảo về THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội của VKSND được thực hiện đúng quy định của pháp luật, từ đó làm căn cứ đánh giá thực trạng hoạt động THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011 đến năm 2015 và đưa ra những giải pháp đảm bảo việc áp dụng pháp luật đạt chất lượng, hiệu quả cao hơn trong thời gian tới, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần đấu tranh phòng ngừa và giáo dục NCTN phạm tội.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích cơ sở lý luận THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội của VKSND.
- Phân tích những ưu điểm và tồn tại THQCT của VKS trong điều tra các

vụ án của NCTN phạm tội của VKSND.

- Đề xuất những giải pháp đảm bảo THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội của VKSND trong giai đoạn hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Luận văn nghiên cứu: Những vấn đề lý luận về THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội; thực tiễn THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội của VKSND trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hiện nay.

- Những tồn tại và nguyên nhân phát sinh những tồn tại của việc THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội. Những giải pháp góp phần nâng cao chất lượng THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận về THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội, luận văn chủ yếu đi sâu nghiên cứu thực tiễn THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011-2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, các chủ trương, Nghị quyết, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về tăng cường pháp chế trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đặc biệt là quan điểm chỉ đạo của Đảng về cải cách tư pháp trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị "Về một số nhiệm vụ

trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới" và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị "Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020".

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử trong triết học Mác - Lê nin theo quan điểm phát triển toàn diện, lịch sử cụ thể. Đồng thời, kết hợp với các phương pháp nghiên cứu khác như: Phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối toàn diện và có hệ thống ở cấp độ luận văn thạc sĩ về hoạt động THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ yêu cầu nâng cao chất lượng THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy và nghiên cứu một số chuyên đề khác, học tập liên quan đến hoạt động THQCT nói chung và trong THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của NCTN phạm tội của VKSND nói riêng. Ngoài ra, luận văn có thể sử dụng nhằm xây dựng kỹ năng nghề nghiệp, thao tác nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác điều tra, kiểm sát điều tra trước yêu cầu của cải cách tư pháp hiện nay.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội

Chương 2: Thực trạng thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội tại tỉnh Quảng Ngãi

Chương 3: Quan điểm và giải pháp bảo đảm thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội

1.1.1. Khái niệm thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra vụ án do người chưa thành niên phạm tội của Viện kiểm sát nhân dân

Để nghiên cứu tìm hiểu khái niệm THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND, trước hết cần phân tích, luận giải một số khái niệm công cụ có liên quan.

** Khái niệm Người chưa thành niên phạm tội*

Hiện nay, trong pháp luật hình sự còn tồn tại nhiều ý kiến khác nhau về khái niệm NCTN.

Quan điểm thứ nhất, cho rằng NCTN là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Quan điểm này có khía cạnh phù hợp với luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tuy nhiên, giới hạn tối thiểu cho NCTN trên không phù hợp với nhiều quy định của pháp luật Việt Nam, đặc biệt là trong pháp luật hình sự hiện hành.

Quan điểm thứ hai, coi NCTN chỉ bao gồm những người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi. Quan niệm này có xu hướng gắn khái niệm NCTN với quy định về độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự (TNHS) của NCTN. Mặt khác, nếu coi đó là khái niệm chung về NCTN thì không đúng vì nó mâu thuẫn với pháp luật hình sự. Chẳng hạn, tại điểm c, khoản 2, Điều 197 Bộ luật Hình sự (BLHS) 1999 "Đối với NCTN từ đủ 13 tuổi trở lên" khi quy định tình tiết tăng nặng của người tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong những

trường hợp nhất định. Quy định như vậy cho thấy NCTN nói chung, chứ không phải NCTN trong độ tuổi phải chịu TNHS là người chưa đủ 14 tuổi. Do vậy, quan niệm NCTN là người trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi là không thuyết phục và mâu thuẫn với những quy định của pháp luật hình sự.

Quan điểm thứ ba, cho rằng: Trong chừng mực nhất định nào đó, thuật ngữ trẻ em đồng nhất với thuật ngữ vị thành niên, và có sự phân chia người dưới 18 tuổi thành hai nhóm. Nhóm một gồm những người từ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi là vị thành niên, còn nhóm hai - dưới 14 tuổi là NCTN và không phải chịu TNHS. Như vậy, quan điểm này mang tính thống nhất và hợp lý hơn hai quan điểm trên. Tuy nhiên, theo quan điểm này, trẻ em sẽ bao gồm những người dưới 18 tuổi, là trái với quy định của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 1991, mặt khác nó cũng mâu thuẫn với một số quy định trong pháp luật hình sự không thừa nhận trẻ em là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Theo từ điển giải thích thuật ngữ luật học thì: “NCTN phạm tội là người có độ tuổi từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi”.

Ở Việt Nam có quan niệm: "NCTN phạm tội là người chưa tròn 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm. Tuy nhiên, không phải NCTN phạm tội nào cũng bị truy cứu TNHS mà chỉ những người từ đủ 14 tuổi trở lên mới bị truy cứu TNHS". Quan niệm này coi người chưa đủ 18 tuổi (kể cả chưa đủ 14 tuổi) thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm đều là NCTN phạm tội. Điều này mâu thuẫn với quan điểm về tội phạm, theo quy định của Điều 8, BLHS 1999 và BLHS 2015 thì tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, nhưng phải do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm hại các khách thể (hay các quan hệ xã hội) mà luật quy định. Do vậy NCTN chưa đủ độ tuổi chịu TNHS khi thực hiện hành vi nguy hiểm

cho xã hội bị luật hình cấm không phải là NCTN phạm tội. [8, tr.17-22]

Tại Điều 12. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự (BLHS 2015)

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều sau đây:

a) Điều 143 (tội cưỡng dâm); Điều 150 (tội mua bán người); Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi);

b) Điều 170 (tội cưỡng đoạt tài sản); Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 173 (tội trộm cắp tài sản); Điều 178 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản);

c) Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy);

d) Điều 265 (tội tổ chức đua xe trái phép); Điều 266 (tội đua xe trái phép);

đ) Điều 285 (tội sản xuất, mua bán, công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật); Điều 286 (tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 287 (tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 289 (tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác);

Điều 290 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản);

e) Điều 299 (tội khủng bố); Điều 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia); Điều 304 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự). [22]

Nói đến độ tuổi chịu TNHS ở đây là độ tuổi mà theo các quy định của pháp luật hình sự phải chịu TNHS đối với loại tội phạm tương ứng được phân loại trong BLHS. Theo đó NCTN từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm. Còn NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS chỉ về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Điều đó có nghĩa rằng NCTN trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, thì họ cũng không bị coi là phạm tội nếu hành vi đó chỉ có những dấu hiệu cấu thành tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý.

Giống như người đã thành niên, NCTN đủ độ tuổi phải chịu TNHS như đã phân tích trên đây, thì sự đủ độ tuổi mới chỉ là một trong những cơ sở cần thiết để có thể có năng lực TNHS - nghĩa là có thể có khả năng nhận thức được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội và tính trái pháp luật hình sự của hành vi gây thiệt hại về mặt pháp lý hình sự, cũng như điều khiển được đầy đủ hành vi đó. Điều 13, BLHS 1999 đã quy định, nay điều 21, BLHS 2015 xác định rõ: "Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì không phải chịu TNHS".

Từ những phân tích trên có thể đưa ra khái niệm về NCTN phạm tội như sau: NCTN phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi thực hiện

hành vi nguy hiểm cho xã hội mà luật hình sự quy định là tội phạm và bị VKS truy tố ra tòa án.

** Khái niệm Quyền công tố*

Ở Việt Nam, hệ thống VKSND được thành lập ngày 26 tháng 7 năm 1960 với chức năng chủ yếu khi đó là kiểm sát việc tuân theo pháp luật nhằm bảo đảm tính thống nhất của pháp chế và trật tự pháp luật XHCN. Cùng với việc ban hành Hiến pháp năm 1980 và Luật tổ chức VKSND năm 1981, khái niệm "*quyền công tố*" và "*thực hành quyền công tố*" lần đầu tiên được xuất hiện bên cạnh khái niệm truyền thống "*kiểm sát việc tuân theo pháp luật*". Từ đó đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến khái niệm này, song vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau về QCT. Tuy nhiên, theo chúng tôi để làm rõ khái niệm quyền công tố, cần xuất phát từ những cơ sở có tính nguyên tắc dưới đây:

Một là, quyền công tố là quyền của Nhà nước, xuất hiện cùng với sự ra đời của Nhà nước và thay đổi theo bản chất Nhà nước. Duy trì các xung đột xã hội trong vòng trật tự là nhu cầu tự thân của Nhà nước, là trách nhiệm xã hội của Nhà nước chứ không phải trách nhiệm của cá nhân hay một nhóm người, vì đó là môi trường tồn tại của Nhà nước, nó bảo đảm và bảo vệ trước hết lợi ích của Nhà nước (đại diện là giai cấp thống trị trong xã hội) cũng như các lợi ích chung có liên quan. Vì thế, cần phải làm rõ yếu tố lợi ích chung của Nhà nước với tính cách là đối tượng bảo vệ của quyền công tố.

Hai là, QCT luôn luôn gắn liền với quyền tài phán của Tòa án. Đó là quyền đưa vụ án ra tòa và "*buộc tội*" người phạm pháp tại Tòa án. Tuy vậy, cũng cần nhận thức rằng, không có nghĩa cứ phải đưa vụ án ra tòa mới là THQCT. Trên thực tế, quyền công tố có thể bị triệt tiêu bất cứ lúc nào khi sự việc là đối tượng tác động của QCT có đủ căn cứ để quyết tụng. Chẳng hạn, các trường hợp đình chỉ vụ án và đình chỉ bị can theo quy định tại Điều 164,

169 BLTTHS năm 2003, điều 230 BLTTHS 2015. Đương nhiên, khi QCT bị triệt tiêu thì THQCT cũng chấm dứt.

Ba là, về mặt nguyên tắc, QCT chỉ có thể do một cơ quan thực hiện và phải độc lập với quyền tài phán của tòa án (ở nước ta thực hiện quyền này là VKS). Quyền công tố phải được thể hiện ở nội dung cụ thể của nó trong tất cả các giai đoạn tố tụng, từ khởi tố, điều tra, đến đưa vụ án ra tòa để xét xử và buộc tội trước tòa án. Những hoạt động như khởi tố vụ án, duy trì QCT trước tòa... chỉ là những nội dung hoạt động cụ thể của QCT. Vì vậy, hoàn toàn không thể đồng tình với quan điểm cho rằng, việc pháp luật trao cho CQĐT, Tòa án và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyền khởi tố vụ án, bị can, cũng như quyền quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, thì các cơ quan này cũng là những cơ quan THQCT. Có thể đồng tình với quan điểm cho rằng:

Từ những phân tích trên tác giả cho rằng, quyền công tố ở Việt Nam là quyền của Nhà nước giao cho VKS thực hiện nhằm truy cứu TNHS đối với người phạm tội ra trước tòa án để thực hiện việc xét xử và bảo vệ sự buộc tội đó tại phiên tòa.[10], [11]

** Khái niệm Thực hành quyền công tố*

QCT là quyền của Nhà nước, gắn liền với bản chất từng kiểu nhà nước và chỉ có trong lĩnh vực TTHS. Phạm vi của quyền công tố bắt đầu từ khi có tội phạm xảy ra và kết thúc khi bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc khi có một trong những căn cứ làm triệt tiêu quyền công tố theo quy định của pháp luật. Đối tượng tác động của QCT là tội phạm và người phạm tội. Để bảo đảm thực hiện QCT trong thực tế đấu tranh chống tội phạm, Nhà nước ban hành pháp luật quy định các quyền năng pháp lý thuộc nội dung QCT. Và cơ quan nào được Nhà nước giao thực hiện các quyền năng pháp lý này để phát hiện tội phạm và truy cứu TNHS đối với người phạm tội được gọi là cơ quan có

trách nhiệm THQCT. Ở nước ta, đó là hệ thống cơ quan VKS.

Từ nhận thức trên, đồng tình với quan điểm cho rằng: *"THQCT là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để truy cứu TNHS đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử"*.

- Phạm vi THQCT:

Theo quy định của BLTTHS năm 2003, 2015, VKS THQCT ở tất cả các giai đoạn tố tụng, từ giai đoạn điều tra đến giai đoạn xét xử (bao gồm cả xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm).

Để xác định được chính xác phạm vi THQCT, cần xem xét đến phạm vi của quyền công tố, bởi QCT là cơ sở, nền tảng để THQCT. Như đã đề cập ở phần trên, QCT phát sinh ngay khi có tội phạm xảy ra, bởi mục đích của TTHS là nhằm bảo đảm mọi tội phạm xảy ra đều phải được phát hiện và xử lý trước pháp luật. Do đó, về mặt nguyên tắc, cứ có tội phạm xảy ra là đòi hỏi QCT phải được phát động. Song, để có cơ sở phát động quyền công tố phải có một giai đoạn chuẩn bị để thu thập tài liệu, chứng cứ về tội phạm xảy ra như: tiếp nhận, xác minh tin báo, tố giác về tội phạm, tiến hành một số hoạt động điều tra ban đầu trước khi khởi tố vụ án như: khám nghiệm hiện trường, lấy lời khai của những người có liên quan hoặc những người biết về vụ việc... Còn THQCT chỉ phát sinh khi có quyết định khởi tố vụ án.

Như vậy, *phạm vi THQCT bắt đầu từ khi khởi tố vụ án và kết thúc khi bản án đã có hiệu lực pháp luật hoặc khi vụ án được đình chỉ theo quy định của pháp luật TTHS.*

- Nội dung THQCT:

Nội dung THQCT là những biện pháp được pháp luật quy định mà VKS sử dụng để truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Tuy vậy, thực tế vẫn còn tình trạng nhầm lẫn giữa chức năng THQCT và chức năng kiểm sát các

HĐTP của VKS. Cần phải thống nhất nhận thức rằng: Những quyền năng pháp lý mà VKS trực tiếp quyết định và liên quan đến việc cáo buộc bị can, bị cáo thì đó là những quyền năng thuộc nội dung THQCT; những quyền năng pháp lý mà VKS sử dụng để phát hiện và yêu cầu xử lý vi phạm pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là những quyền năng thuộc chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật. [15, tr.22]

Theo quy định của Luật tổ chức VKSND năm 2014 và BLTTHS năm 2003, 2015, nội dung THQCT của VKSND bao gồm:

+ Khởi tố vụ án, khởi tố bị can là những biện pháp phát động quyền công tố, mở đầu quá trình điều tra xử lý TNHS đối với tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, phát động quyền công tố không phải là quyền năng riêng có của VKS. Theo quy định của BLTTHS 2003 Điều 104, BLTTHS 2015 điều 154 các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án, bị can bao gồm: CQĐT, VKS, Tòa án và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, kiểm ngư... Trên thực tế, việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can chủ yếu do CQĐT các cấp tiến hành, số vụ án VKS trực tiếp khởi tố hầu như không đáng kể. Tuy vậy, VKS vẫn là cơ quan duy nhất được quyền khởi tố vụ án hình sự một cách độc lập, không chịu sự ràng buộc về mặt cơ chế tố tụng của bất kỳ một cơ quan nhà nước nào.

VKS cũng có quyền yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án, bị can để xử lý trước pháp luật; có quyền hủy bỏ quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án của CQĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Đồng thời, VKS cũng có quyền kháng nghị đối với những quyết định khởi tố vụ án không có căn cứ của Tòa án các cấp.

+ Những biện pháp áp dụng TNHS đối với người phạm tội gồm có:

- Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm

giám và các biện pháp ngăn chặn khác; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn của CQĐT theo quy định của pháp luật;

- Phê chuẩn lệnh khám xét của CQĐT.

- + Những biện pháp xử lý vụ án gồm:

- Quyết định truy tố bị can ra Tòa để thực hiện việc xét xử;

- Quyết định đình chỉ vụ án, bị can theo quy định của pháp luật.

- CQĐT cũng có quyền đình chỉ điều tra vụ án, bị can nhưng phải luôn được đặt dưới sự kiểm sát của VKS.

- + Những hoạt động THQCT của VKS tại phiên tòa, gồm có: đọc cáo trạng, thẩm vấn, luận tội tại phiên tòa sơ thẩm; phát biểu quan điểm của VKS về hành vi phạm tội của bị cáo có kháng cáo, kháng nghị tại các phiên tòa xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Như vậy, theo quy định của pháp luật, VKS có rất nhiều quyền năng pháp lý cụ thể để THQCT. Trong số đó, trừ quyền truy tố bị can ra tòa là quyền duy nhất chỉ có ở VKS, các quyền khác thì CQĐT, Tòa án và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cũng có quyền thực hiện. Chính vì vậy, hiện vẫn tồn tại nhiều quan điểm cho rằng, các cơ quan trên cũng THQCT.

Ở đây đã có sự nhầm lẫn giữa quyền năng tố tụng với quyền của cơ quan công tố. Chỉ có cơ quan nào sử dụng tất cả các quyền năng pháp lý cần thiết để truy cứu TNHS đối với người phạm tội mới là cơ quan THQCT. Ở nước ta chỉ có VKS là cơ quan duy nhất THQCT, CQĐT chỉ là người hỗ trợ VKS đưa vụ án ra tòa, Tòa án chỉ xét xử những tội phạm và người phạm tội mà VKS đã truy tố.

Qua những phân tích trên có thể quan niệm, *nội dung THQCT là việc VKS sử dụng các quyền năng tố tụng độc lập do pháp luật quy định nhằm truy*

cứu TNHS đối với người phạm tội, không để lọt người, lọt tội, không làm oan người vô tội, được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng.

Thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát

Từ những vấn đề đã được trình bày ở trên về khái niệm, phạm vi và nội dung của THQCT, có thể đi đến kết luận về khái niệm, phạm vi và nội dung của THQCT ở giai đoạn điều tra của VKSND như sau:

THQCT ở giai đoạn điều tra của VKSND là việc VKS sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để truy cứu TNHS đối với người phạm tội, được thực hiện từ khi khởi tố vụ án và kết thúc khi VKS quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án để xét xử hoặc khi vụ án được đình chỉ theo quy định của pháp luật TTHS.

- Khái niệm THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND

THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND là: Khi nhà nước thấy cần thiết phải tham gia bằng hình thức giám sát hoạt động của các chủ thể tham gia trong các quan hệ điều tra các vụ án NCTN phạm tội. Cơ sở phát sinh hoạt động của VKSND đó là các quyết định của CQĐT, các hành vi của những người tiến hành tố tụng trong hoạt động TTHS. Các quyết định và các hành vi đó có thể được ban hành, thực hiện theo đúng hoặc không đúng quy định của pháp luật. Khi đó nhà nước thông qua hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKSND, nhằm phát hiện những sai phạm, kịp thời đề ra các yêu cầu, kiến nghị các chủ thể trong quá trình điều tra các vụ án hình sự, khắc phục, sửa chữa; đảm bảo cho việc giải quyết các vụ án hình sự được tuân thủ theo các quy định của pháp luật. [25], [27]

Từ những phân tích trên, ta có thể đưa ra khái niệm: *THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND là một dạng hoạt động*

thực hiện pháp luật, theo đó VKSND sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để truy cứu TNHS đối với NCTN phạm tội, được thực hiện từ khi khởi tố vụ án và kết thúc khi ra quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án để xét xử hoặc khi vụ án được đình chỉ theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Đặc điểm thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra vụ án do người chưa thành niên phạm tội của Viện kiểm sát nhân dân

- Hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKS có một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKS là hoạt động chỉ do VKSND tiến hành theo pháp luật quy định.

Theo quy định của pháp luật thì VKS là cơ quan có chức năng thực hiện QCT và kiểm sát các HĐTP. Thông qua việc thực hiện chức năng này, VKSND góp phần thực hiện quyền lực nhà nước, trực tiếp thực hiện quyền tư pháp góp phần bảo vệ pháp chế XHCN, bảo vệ chế độ XHCN, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân. Bảo đảm mọi hành vi xâm phạm tới lợi ích của Nhà nước, của tập thể và lợi ích hợp pháp của công dân phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 109 BLTTHS 2003 và điều 165 BLTTHS 2015, Với những quy định của pháp luật thì VKSND có quyền áp dụng mọi biện pháp cần thiết khi THQCT trong giai đoạn điều tra đảm bảo cho việc khởi tố điều tra các vụ án hình sự được tuân theo quy định của pháp luật; bảo đảm việc truy tố đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Thứ hai, Trong hoạt động điều tra, khám phá các vụ án hình sự của CQĐT, trong THQCT và kiểm sát các HĐTP của VKSND, đó là một quá

trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai cơ quan công an và VKS. Đây là những hoạt động rất quan trọng có tính quyết định trong quá trình giải quyết những vụ án hình sự. Chính vì vậy pháp luật TTHS quy định chặt chẽ trình tự, thủ tục của các hoạt động điều tra, hoạt động giám sát như: Từ việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các biện pháp điều tra, các biện pháp ngăn chặn, nhập - tách vụ án, đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án, thời hiệu điều tra, thời hạn điều tra... Tóm lại, tất cả các bước trong quá trình điều tra các vụ án hình sự, hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND đều được quy định chặt chẽ theo các trình tự thủ tục do pháp luật TTHS hiện hành quy định.

Thứ ba, Các quyết định THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND đã được BLHS năm 2015, BLTTHS năm 2015 quy định chặt chẽ và đầy đủ. Tại Điều 23 BLTTHS 2003 và điều 20 BLTTHS năm 2015 quy định: VKS, THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội.

Như đã phân tích ở trên, NCTN phạm tội là chủ thể chịu sự tác động của hoạt động của VKS có những đặc điểm mang tính đặc trưng. Đây là những người chưa phát triển hoàn thiện về thể chất và tâm lý, trình độ nhận thức còn hạn chế, thiếu bản lĩnh, khả năng kiểm chế chưa cao, dễ bị kích động lôi kéo. Chính vì vậy khi THQCT đối với NCTN phạm tội, đòi hỏi "Người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến

người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi" (Điều 415 BLTTHS năm 2015 đã sửa đổi điều 302 BLTTHS 2003).

Như vậy, VKSND với vai trò của KSV thực hiện quyền lực nhà nước phải đảm bảo những yêu cầu về hiểu biết cần thiết của họ trong hoạt động đối với NCTN phạm tội. Có như vậy mới đảm bảo hoạt động của VKSND đối với NCTN phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Về trình tự thủ tục đối với NCTN được coi là "thủ tục đặc biệt". Tính chất "đặc biệt" được thể hiện qua các quy định rất chặt chẽ có ý nghĩa nhân mạnh và đảm bảo quyền của NCTN phạm tội.

Khác với người đã thành niên phạm tội, NCTN phạm tội là chủ thể chịu sự tác động của việc của VKSND là một loại đối tượng đặc biệt. Đây là những người đang ở độ tuổi phát triển, trình độ nhận thức còn hạn chế, còn những nhận thức sai lệch về chuẩn mực xã hội, từ đó dễ hình thành nên tính tiêu cực. Do vậy khi THQCT ở giai đoạn điều tra đối với NCTN phạm tội VKS phải đảm bảo các nguyên tắc trong xử lý được BLTTHS quy định. [22], [23]

Các nguyên tắc xử lý đối với NCTN phạm tội được quy định tại chương XXVIII, BLTTHS 2015 và Điều 90 BLHS 2015 (đã sửa đổi chương XXXII BLTTHS 2003) cụ thể là những nguyên tắc sau:

- Việc xử lý NCTN phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong mọi trường hợp điều tra hành vi phạm tội của NCTN, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Việc truy cứu TNHS NCTN phạm tội được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất

của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm (điều 68 BLHS 1999, điều 91 BLHS 2015).

- Thủ tục tố tụng đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là NCTN được áp dụng theo quy định của Chương XXVIII, đồng thời theo những quy định khác của Bộ luật này không trái với những quy định của Chương này (Điều 419 BLTTHS 2015).

- Người tiến hành tố tụng đối với NCTN phạm tội phải là người có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của NCTN. Khi tiến hành điều tra đối với NCTN phạm tội cần phải xác định rõ: Tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của NCTN; điều kiện sinh sống và giáo dục; có hay không có người thành niên xúi giục; nguyên nhân và điều kiện phạm tội (Điều 415, 416, 417 BLTTHS 2015).

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu có đủ căn cứ và chỉ trong những trường hợp cần thiết theo quy định tại (Điều 303 BLTTHS 2003, điều 419 BLTTHS 2015).

- CQĐT, VKS có thể ra quyết định giao NCTN phạm tội cho người đại diện của họ giám sát để bảo đảm sự có mặt của NCTN phạm tội khi có giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Người được giao nhiệm vụ giám sát có nghĩa vụ giám sát chặt chẽ NCTN, theo dõi tư cách, đạo đức và giáo dục người đó (điều 418 BLTTHS 2015).

- Người đại diện hợp pháp của NCTN có thể lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho NCTN. Trong trường hợp NCTN hoặc người đại diện hợp pháp của họ không lựa chọn được người bào chữa thì CQĐT, VKS, TA phải cử người bào chữa cho họ (điều 305, 306 BLTTHS 2003, điều 76, 422, 323 BLTTHS 2015).

Xác định nội dung chính của quá trình THQCT ở giai đoạn điều tra vụ

án do NCTN phạm tội của VKSND; quá trình này bao gồm nhiều bước, nhưng toàn bộ phải đảm bảo các nguyên tắc xử lý đối với NCTN phạm tội như đã nêu ở trên. VKSND sẽ đối chiếu giữa các yếu tố của một cấu thành tội phạm với hành vi thực tế của NCTN đã gây ra để xác định có phạm tội hay không để ra quyết định truy tố.

Quyết định truy tố đối với NCTN phạm tội cần đáp ứng những yêu cầu sau:

- + Xác định chính xác, đầy đủ và khách quan các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội thực tế và hậu quả do hành vi đó gây ra cho quan hệ xã hội được BLHS quy định và bảo vệ - thông qua hoạt động tổ chức thực hiện các biện pháp tố tụng của CQĐT.

- + Nhận thức đúng đắn về cấu thành tội phạm tương ứng và các quy định có tính nguyên tắc đối với NCTN phạm tội được quy định trong BLHS, BLTTHS. Để thực hiện yêu cầu này, chủ thể định tội danh là VKSND cần có kiến thức pháp lý vững vàng, kinh nghiệm thực tiễn phong phú và còn phải có sự hiểu biết những lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

- + Xác định được sự phù hợp giữa hành vi phạm tội cụ thể được thực hiện với những mô tả trong cấu thành tội phạm tương ứng quy định trong BLHS, cụ thể:

Có áp dụng truy tố đối với NCTN phạm tội không, TNHS là hậu quả pháp lý tất yếu của việc thực hiện tội phạm, người đã thực hiện tội phạm về nguyên tắc phải chịu TNHS. Tuy nhiên, với nguyên tắc nhân đạo và cá thể hóa TNHS có tính đến những tình tiết giảm nhẹ đặc biệt, BLHS năm 2015 quy định những trường hợp miễn TNHS tại Điều 29 (sửa đổi điều 25 BLHS 1999). Đặc biệt trong xử lý NCTN phạm tội, BLHS năm 2015 có quy định (từ điều 90 đến điều 107), BLHS 1999 (quy định từ điều 68 đến 77).

Khi quyết định truy tố NCTN phạm tội phải xuất phát từ nguyên tắc chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội,

vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

1.1.3. Vai trò thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra vụ án do người chưa thành niên phạm tội của Viện kiểm sát nhân dân

THQCT có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện quyền lực nhà nước. Khác với các hình thức thực hiện pháp luật khác, mọi chủ thể đều có thể thực hiện, thì THQCT chỉ do VKS tiến hành. Nó được xem là một hình thức thực hiện pháp luật của các cơ quan nhà nước, trong đó cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể thực hiện những quy định của pháp luật. Trong trường hợp thực hiện các QPPL hình sự về tội phạm thể hiện rõ nhất phương diện quyền lực của nhà nước. Khi chủ thể pháp luật thực hiện một tội phạm quy định trong BLHS thì họ phải chịu TNHS và có nghĩa vụ chấp hành một hình phạt. Trên thực tế họ không muốn hoặc không thể tự mình thực hiện nghĩa vụ của mình, do đó nhà nước thông qua các cơ quan tiến hành tố tụng đã tổ chức cho họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ.

THQCT của VKSND nói chung ở giai đoạn điều tra đối với vụ án NCTN phạm tội nói riêng có vai trò và nhiệm vụ góp phần bảo vệ pháp chế XHCN; bảo vệ chế độ XHCN và bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ tài sản của nhà nước, của tập thể; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân; bảo đảm mọi hành vi vi phạm tới lợi ích của nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân phải được xử lý theo pháp luật.

THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND có vai trò quan trọng là hướng các chủ thể của các quan hệ pháp luật trong điều tra các vụ án hình sự thực hiện những hành vi phù hợp với các quy định của pháp luật: Thực hiện đúng, đầy đủ chức trách của mình được giao khi tiến hành tố tụng; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; ngăn ngừa, hạn chế các hành vi vi phạm mới trong quá trình điều tra các vụ án hình sự của những người

tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng.

THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND còn có vai trò nổi bật: Thông qua đó, VKSND có những biện pháp, cách thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật; đề xuất giải pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật trên địa bàn hoạt động. Công tác vận động tuyên truyền của VKSND không chỉ đối với các đối tượng vi phạm, tội phạm mà còn tác động rộng lớn trong xã hội, góp phần giáo dục cải tạo NCTN phạm tội. [13, tr.15,21]

1.2. Quy trình thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra vụ án của người chưa thành niên phạm tội

Quy trình THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án nói chung cũng như quy trình THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND nói riêng được tiến hành theo các bước sau đây:

- Nghiên cứu, xem xét, đánh giá các tình tiết, chứng cứ có liên quan đến sự kiện pháp lý, đối tượng và quyết định xử lý do Cơ quan điều tra cung cấp

Đây là khâu đầu tiên, có ý nghĩa quan trọng của THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND. Việc VKSND xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ và thủ tục tố tụng do CQĐT tiến hành trong các vụ án hình sự, nhằm xác định tính có căn cứ, qua đó xác định tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội của các đối tượng đã gây ra: Có hay không có hành vi phạm tội? Hành vi đó ở mức độ nào? Xảy ra ở đâu? Khi nào? Ai là người thực hiện? Công cụ phương tiện phạm tội? Nhân thân? Năng lực chịu TNHS? Trình tự, thủ tục thu thập tài liệu chứng cứ ...

Theo quy định của pháp luật TTHS thì VKSND tự mình thông qua các nguồn tin báo hoặc từ các tài liệu chứng cứ của CQĐT gửi tới để xem xét đánh giá sự kiện pháp lý đã xảy ra: Việc thu thập tài liệu chứng cứ có hợp pháp hay không, hành vi nguy hiểm cho xã hội đã đến lúc phải xử lý bằng hình sự hay chỉ cần xử lý bằng biện pháp hành chính, người thực hiện hành vi

nguy hiểm cho xã hội là ai, năng lực chịu TNHS, đối tượng phạm tội có thể bị áp dụng biện pháp ngăn chặn ... tức là phải xem xét đánh giá các yếu tố cấu thành tội phạm của đối tượng đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Trong quá trình xem xét đánh giá các tài liệu chứng cứ ban đầu của vụ án hình sự, VKSND cần phải có sự phân công trách nhiệm cụ thể rõ ràng cho cán bộ, KSV, có sự phối kết hợp chặt chẽ với CQĐT. Có thể nói rằng, việc nghiên cứu hồ sơ vụ án ban đầu có một ý nghĩa hết sức quan trọng đảm bảo cho việc THQCT của VKSND có chất lượng, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hình sự được tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- Phân tích làm sáng tỏ nội dung các quy phạm pháp luật được áp dụng trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra vụ án do người chưa thành niên phạm tội của Viện kiểm sát nhân dân

Giai đoạn này được thực hiện dựa trên ý thức pháp luật, trình độ hiểu biết kiến thức pháp luật, trình độ hiểu biết tâm sinh lý NCTN của chủ thể có thẩm quyền. Người có thẩm quyền THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND phải xem xét, đánh giá đầy đủ sự kiện pháp lý đã xảy ra, những công việc đã xử lý của CQĐT, yêu cầu và đề nghị của CQĐT đối với việc giải quyết vụ án. Để từ đó xác định nội dung quy phạm được áp dụng, phạm vi pháp luật được áp dụng. Tóm lại, giai đoạn này cần đòi hỏi: lựa chọn đúng QPPL được trù tính cho trường hợp đó; QPPL áp dụng phải là QPPL đang có hiệu lực pháp luật và không mâu thuẫn với văn bản QPPL khác; xác định tính chính xác của văn bản QPPL chứa đựng quy phạm này; nhận thức đúng đắn nội dung, tư tưởng của QPPL.

- Ban hành văn bản áp dụng pháp luật

Ban hành văn bản là việc VKSND ra các quyết định; quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn. Đây là giai đoạn trọng tâm, quan trọng nhất của cả quá trình THQCT ở giai đoạn điều tra của VKSND. Vì quyết định của VKSND đụng chạm

trực tiếp đến lợi ích của nhà nước, đến trật tự trị an trên địa bàn và đến quyền tự do thân thể của công dân, nên đòi THQCT phải tuân thủ nghiêm ngặt theo các trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật tổ tụng hiện hành. Đặc biệt văn bản của VKSND phải có tính khả thi và hiện thực. Tóm lại, để THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND, VKSND phải hiểu biết về mặt pháp luật, biết tổng hợp, đánh giá các tình tiết vụ án, đồng thời phải có kỹ năng THQCT. Đặc biệt khi đối tượng phạm tội là NCTN đòi hỏi người có thẩm quyền cần phải có những kiến thức nhất định về tâm sinh lý của đối tượng.

- Tổ chức thực hiện văn bản áp dụng pháp luật

Khác với các văn bản của các cơ quan nhà nước khác, văn bản của VKS trong THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội nó là lệnh, quyết định, quyết định không phê chuẩn, quyết định phê chuẩn buộc CQĐT phải thi hành và tổ chức thực hiện nghiêm minh. Giám sát việc thực hiện các văn bản của VKSND đối với toàn bộ hoạt động điều tra vừa là chức năng, vừa là nhiệm vụ của ngành kiểm sát đã được pháp luật quy định chặt chẽ và đầy đủ. Đó là một trong những đảm bảo quan trọng để quyết định của VKSND được thực hiện một cách nghiêm chỉnh.

1.3. Các yếu tố bảo đảm thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội

1.3.1. Bảo đảm pháp lý

Cơ sở pháp lý để THQCT là BLHS, BLTTHS và các văn bản pháp luật khác có liên quan. BLHS là văn bản pháp luật duy nhất quy định về tội phạm và hình phạt và những quy định đối với NCTN phạm tội. Hoàn thiện các quy định của BLHS là yếu tố quan trọng hàng đầu về mặt cơ sở pháp lý cho hoạt động THQCT của VKSND. Ở nước ta, ngay từ khi mới giành được độc lập, Đảng và Nhà nước đã quan tâm xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự, bởi vậy, luật hình sự luôn là ngành luật được pháp điển hóa sớm hơn so với các

ngành luật khác, trước yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, BLHS năm 1999 không còn phù hợp, vì vậy BLHS năm 2015 đã được ban hành để thay thế. Đây được coi là một bước tiến vượt bậc về trình độ lập pháp của Nhà nước ta. Các quy định của BLHS năm 2015 đã trở nên rõ ràng và cụ thể hơn so với BLHS năm 1999. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc THQCT của VKSND.

BLTTHS là ngành luật hình thức quy định mọi vấn đề liên quan đến thẩm quyền, trình tự, thủ tục hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có VKS. Ngoài những quy định chung BLTTHS 2003 và BLTTHS 2015 đã dành riêng một chương quy định thủ tục tố tụng đặc biệt nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của NCTN phạm tội. Trong điều kiện hiện nay, để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, BLTTHS năm 2015 được ban hành trên cơ sở kế thừa những hạt nhân hợp lý của BLTTHS năm 1999 và thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về cải cách tư pháp, nhằm kiện toàn và nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử án hình sự, bảo đảm và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân nói chung và của NCTN phạm tội nói riêng trong TTHS.

1.3.2. Đảm bảo về tổ chức

Đảm bảo về mặt tổ chức là yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng THQCT của VKSND. Bởi lẽ, chất lượng suy cho cùng do con người và phụ thuộc vào khả năng chuyên môn của những người trực tiếp làm công tác THQCT. Ở ngành Kiểm sát, đó là Viện trưởng, Phó Viện trưởng, KSV, và KTV, VKS các cấp.

Đến nay, ngành Kiểm sát đã trải qua 56 năm xây dựng và trưởng thành, những kết quả hoạt động của ngành đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ pháp chế và trật tự pháp luật XHCN. Trước yêu cầu và nhiệm vụ cải cách tư pháp hiện nay, ngành Kiểm sát cần phải được kiện toàn

một cách cơ bản và toàn diện về cả chức năng, nhiệm vụ và tổ chức, biên chế.

- *Về chức năng*, Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức VKSND năm 2014 và BLTTHS 2003, BLHS 1999 và BLTTHS, BLHS năm 2015 xác định, VKS thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong HĐTP. Đây là chức năng nhằm đảm bảo cho ngành Kiểm sát tập trung thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát các HĐTP.

- *Về mặt tổ chức* cũng đã có sự kiện toàn cơ bản theo hướng tinh gọn và phù hợp với tổ chức của các cơ quan tư pháp khác. Đội ngũ KSV làm công tác THQCT và kiểm sát các HĐTP cũng ngày càng được kiện toàn theo hướng chú trọng nâng cao cả về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức để có thể thực hiện được chức năng công tố và kiểm sát các HĐTP. Ngoài những tiêu chuẩn trên, KSV khi tiến hành tố tụng những vụ án có NCTN phạm tội “phải là người được đào tạo, bồi dưỡng, có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của NCTN”.

Trong hoạt động TTHS, mỗi cơ quan có chức năng, nhiệm vụ riêng, CQĐT thực hiện việc điều tra tội phạm, VKS THQCT và kiểm sát các HĐTP, Tòa án thực hiện chức năng xét xử. Hoạt động của các cơ quan tư pháp trong TTHS có quan hệ chặt chẽ, tác động và bổ sung cho nhau, bởi vậy chất lượng THQCT của VKS đối với vụ án NCTN phạm tội chỉ có thể được nâng lên nếu chất lượng của các cơ quan tư pháp khác được nâng lên.

Ngoài ra, trong tố tụng giải quyết án hình sự còn có sự tham gia của nhiều cơ quan khác như các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, tổ chức luật sư, cơ quan giám định tư pháp... Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan này là yếu tố quan trọng đảm bảo trong THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND.

1.3.3. Các đảm bảo khác

** Giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, cũng như của các tổ chức xã hội và của nhân dân đối với hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của Viện kiểm sát nhân dân.*

Đây là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo trong THQCT của Viện KSND, cũng như của toàn bộ hệ thống các cơ quan tư pháp. Một mặt, nó thể hiện tính công khai, dân chủ, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong đó có VKS; mặt khác, nó phát huy được sức mạnh tổng hợp của các cơ quan, đại biểu dân cử và của toàn xã hội đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo mọi hành vi phạm tội xảy ra đều được phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời, đảm bảo việc giải quyết án đúng pháp luật, tránh oan, sai. Trong công cuộc cải cách tư pháp hiện nay, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến vấn đề này, coi đó là một giải pháp quan trọng nâng cao chất lượng công tác tư pháp ở nước ta. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới khẳng định: *"Tăng cường sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, của các tổ chức xã hội và của công dân đối với công tác tư pháp. Công tác giám sát của Quốc hội, của Hội đồng nhân dân đối với các cơ quan tư pháp tập trung vào việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố, xét xử, thi hành án và giám sát việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tư pháp..."*. [1]

Thể chế hoá nghị quyết của Bộ Chính trị, kế thừa quy định BLTTHS 2003, BLTTHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung Điều 33 BLTTHS năm 2015 thành một điều luật mới về kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử đối với hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đây được coi là một nguyên tắc của hoạt động TTHS. Nội dung của

điều luật thể hiện ở các vấn đề sau đây:

Thứ nhất, quy định phạm vi và nội dung giám sát theo đó, các cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, đại biểu dân cử có quyền giám sát hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng;

Thứ hai, quy định biện pháp pháp lý đó là: Nếu phát hiện những hành vi trái pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, thì các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử có quyền yêu cầu, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận có quyền kiến nghị với các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền theo quy định của BLTTHS năm 2015;

Thứ ba, quy định trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng phải xem xét giải quyết, trả lời các kiến nghị và yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử theo quy định của pháp luật.

** Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và công tác thanh tra, kiểm tra trong ngành Kiểm sát nhân dân*

Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và công tác thanh tra, kiểm tra trong ngành KSND được coi là nội dung đặc biệt quan trọng đảm bảo việc THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND.

Nếu giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân (HĐND) và của các tổ chức xã hội, của nhân dân được coi là những hình thức giám sát từ bên ngoài, thì hình thức này được coi là những hình thức giám sát từ bên trong. Kết hợp tốt hai hình thức giám sát này sẽ là yếu tố quan trọng đảm bảo việc THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND.

Tăng cường cơ sở vật chất và hoàn thiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, KSV; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của ngành Kiểm sát nói chung trong THQCT ở giai đoạn điều tra nói riêng; tăng cường mối quan hệ phối hợp liên ngành trong giải quyết án hình sự.

Kết luận Chương 1

Trong nội dung chương 1, tác giả tập trung phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về THQCT, trong đó làm rõ khái niệm, đặc điểm của THQCT; phân tích các quan điểm khác nhau về quyền công tố, THQCT của VKSND. Phân tích khái niệm, đặc điểm của NCTN phạm tội; đặc điểm của THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND, từ đó đưa ra quan điểm riêng của người nghiên cứu về các khái niệm này. Trên cơ sở nhận thức chung về quyền công tố, THQCT, tác giả đã phân tích làm rõ khái niệm, đặc điểm và các giai đoạn của quy trình THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND. Bên cạnh đó, nội dung luận văn cũng đi sâu phân tích về các yếu tố đảm bảo việc THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND, trong đó chú ý là các bảo đảm về cơ chế pháp lý và bảo đảm về mặt tổ chức. Đây là những yếu tố hết sức quan trọng nhằm nâng cao chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra của VKSND nói chung cũng như THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND.

Với những nhận thức được trình bày tại chương 1 là cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Những yếu tố tác động đến thực tiễn thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội

2.1.1. Khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi là một tỉnh ven biển duyên hải Miền trung, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp tỉnh Bình Định, phía Tây nam giáp Kom Tum, phía Đông giáp biển Đông. Tổng diện tích tự nhiên là 5.135 km², chiếm 1,56% tổng diện tích tự nhiên cả nước. Các đường giao thông quan trọng như đường quốc lộ 1, quốc lộ 24, đường sắt xuyên Việt. Tỉnh có 14 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 13 huyện và 1 thành phố (trong đó có 07 huyện đồng bằng, 06 huyện miền núi và 01 huyện đảo), dân số 1.190.144 người có 25 dân tộc, đông nhất là dân tộc Kinh chiếm 88,4%; các dân tộc thiểu số như dân tộc Hrê chiếm 8,5%; dân tộc Cor chiếm 1,9%; dân tộc Xơ Đăng chiếm 0,98% và các dân tộc khác. Do là một tỉnh vừa có miền núi vừa có đồng bằng nên dân cư được phân bố không đồng đều chủ yếu sống tập trung ở khu đô thị và đồng bằng. Mật độ dân số trung bình là 231.771 người/km².

Về phát triển kinh tế - xã hội: Từ khi tái lập tỉnh đến nay, kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi có bước phát triển khá. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân đạt 14,2%. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 3,7%; khu vực dịch vụ tăng 14,1%; khu vực nông lâm nghiệp, thủy sản tăng 2,6%. Cơ cấu kinh tế năm 2015 tỷ trọng giá trị tăng thêm của khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 59,1%; tỷ trọng khu vực dịch vụ là 22,2%; tỷ trọng khu

vực nông lâm nghiệp và thủy sản là 18,7%. Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2015 đạt trên 27.000 tỷ đồng. GDP bình quân đầu người 1.445 USD/người/năm. Thu hút đầu tư nhanh chóng, tổng số vốn thu hút đầu tư giai đoạn 2011-2015 đạt khoảng 61.203 tỉ đồng; các thành phần kinh tế có bước phát triển mạnh mẽ. [28, tr.13-15, [29]

Giáo dục và đào tạo đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường được quan tâm. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; dân số kế hoạch hóa gia đình có bước tiến bộ, thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, đời sống nhân dân được cải thiện. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, giữ vững, cải cách tư pháp đạt nhiều hiệu quả tích cực...

2.1.2. Cơ cấu tổ chức Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

VKSND tỉnh Quảng Ngãi được tái lập vào năm 1989, từ đó đến nay VKSND tỉnh Quảng Ngãi đã cùng các cơ quan bảo vệ pháp luật của tỉnh có nhiều đóng góp vào việc đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của tỉnh.

VKSND tỉnh Quảng Ngãi tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất lãnh đạo trong ngành và chịu sự chỉ đạo thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao; cơ cấu tổ chức gồm 14 VKS cấp huyện, thành phố và 11 phòng nghiệp vụ trực thuộc VKS tỉnh. Ngành Kiểm sát tỉnh Quảng Ngãi năm 2015 có 178 biên chế (cấp tỉnh 54, cấp huyện 124), trong đó, cán bộ nữ 76 đ/c chiếm 42,6%; cán bộ là người dân tộc thiểu số có 11 đ/c, chiếm 6,1%; toàn ngành có 122 đảng viên, chiếm 68,5%; có 41 KSV trung cấp, chiếm 23% biên chế toàn tỉnh. Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ toàn tỉnh có 12 Thạc sĩ và đang theo học Thạc sĩ 12 đ/c, 132 Cử nhân luật, chiếm 74,1%; Đại học khác 23, chiếm 12,9% và 01 Cao đẳng kiểm sát, chiếm 0,56%. [35, tr.6-7].

Đề triển khai thực hiện theo lộ trình của Nghị quyết 49-NQ/TW ngày

02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, VKSND tỉnh Quảng Ngãi đã quan tâm đến công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, KSV, nhất là đối với đội ngũ KSV làm công tác THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự. Tuy nhiên, so với yêu cầu hiện nay, lực lượng KSV làm công tác THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự còn thiếu về số lượng và năng lực, trình độ chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới đề ra, như chưa được đào tạo nhiều về kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức khoa học, tin học, ngoại ngữ...; cán bộ, KSV được đào tạo về chuyên môn ở trình độ sau đại học còn ít. Vì thế trình độ của KSV so với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay là chưa đáp ứng được một cách toàn diện về mọi mặt.

2.1.3. Tình hình người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Những năm gần đây Lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều giải pháp chỉ đạo phối hợp các cơ quan tư pháp của tỉnh tăng cường công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, qua đó xác định rõ trách nhiệm của từng ngành, từng cấp nhằm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên, tình hình tội phạm vẫn còn có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, tính chất mức độ ngày càng nghiêm trọng. Hậu quả do tội phạm gây ra đang làm cho quần chúng nhân dân hết sức lo ngại. Đặc biệt là tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Theo thống kê của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi, tình hình NCTN có hành vi vi phạm pháp luật tính từ 2011 đến năm 2015 là 251 vụ với 472 đối tượng, trong đó nam là 462 đối tượng, nữ là 10 đối tượng.

Các vụ phạm pháp mà NCTN thực hiện bao gồm: giết người 6 vụ với 8

đôi tượng, cướp tài sản 31 vụ với 73 đôi tượng, cưỡng đoạt tài sản 5 vụ với 12 đôi tượng, cướp giết tài sản 25 vụ với 53 đôi tượng, hiếp dâm 6 vụ với 8 đôi tượng, cưỡng dâm 3 vụ với 8 đôi tượng, cố ý gây thương tích 57 vụ với 122 đôi tượng, trộm cắp tài sản 65 vụ với 90 đôi tượng, gây rối trật tự công cộng 25 vụ với 59 đôi tượng, đánh bạc 9 vụ với 15 đôi tượng, mua bán tàng trữ trái phép chất ma túy 3 vụ với 9 đôi tượng, các vi phạm khác 16 vụ với 19 đôi tượng. [5] Qua số liệu thống kê cho thấy, do điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh nói chung vẫn còn nhiều khó khăn, phức tạp. Mức thu nhập bình quân đầu người còn thấp, đa số sống bằng nghề nông nghiệp, trình độ phát triển, dân trí chưa cao, miếng cơm, manh áo vẫn còn là gánh nặng của nhiều gia đình trong tỉnh. Do vậy, tình hình tội phạm mà NCTN gây ra trên địa bàn tỉnh cũng có những phức tạp và khác biệt so với các tỉnh thành phố khác. Các tội mà NCTN chủ yếu bị khởi tố là:

- + NCTN phạm tội về các tội xâm phạm tài sản: Số NCTN bị khởi tố về tội trộm cắp tài sản chiếm 23%, trong đó nhiều đôi tượng bị khởi tố về tội trộm cắp là do đua đòi, ăn chơi, thiếu sự quản lý của gia đình, người lớn, có nhân thân xấu xúi giục, rủ rê...;

- + NCTN phạm tội cố ý gây thương tích: Tỷ lệ NCTN bị khởi tố về tội cố ý gây thương tích chiếm 23%, trong đó phần lớn những đôi tượng phạm tội này là do thể hiện tính đàn anh, đàn chị, bỏ học sớm, lêu lổng, đàn đúm, chơi bời, thiếu sự quản lý của gia đình, nhà trường và xã hội. Việc phạm tội chủ yếu xảy ra giữa trẻ em thôn này với thôn kia, xã này với xã khác gây mâu thuẫn xô xát, dẫn đến chuyện gây gỗ, đánh chém lẫn nhau, trả đũa vì thù tức, vì ganh...;

- + NCTN phạm tội cướp tài sản, cướp giết tài sản và cưỡng đoạt tài sản bị khởi tố chiếm tỷ lệ cụ thể như sau:

 - Tội cướp tài sản chiếm tỷ lệ 19,2%;

Tội cướp giật tài sản chiếm tỷ lệ 13,5%;

Tội cưỡng đoạt tài sản chiếm tỷ lệ 2,6%.

Thực tế đã phát hiện nhiều vụ NCTN thực hiện có kết cấu ổ nhóm, có sự bàn bạc và sử dụng phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, nhất là ở một số địa bàn có trục quốc lộ chính đi qua như các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ...;

+ NCTN phạm tội đánh bạc: Hiện tượng NCTN tụ tập rượu chè, cờ bạc ngày một gia tăng ở các địa bàn nông thôn trong tỉnh, tỷ lệ NCTN bị khởi tố về tội đánh bạc chiếm tỷ lệ 3,4%. Tình trạng này là một tín hiệu đáng báo động về sự chơi bời sa đọa dẫn đến các điều kiện phạm tội khác;

+ NCTN phạm tội gây rối trật tự công cộng: Tỷ lệ NCTN bị khởi tố về tội gây rối trật tự công cộng chiếm 7,7%;

+ NCTN phạm tội giết người: So với các trường hợp phạm tội ở trên thì tình trạng NCTN phạm tội giết người bị khởi tố chiếm tỷ lệ 2,3%;

+ NCTN phạm tội mua bán tàng trữ trái phép chất ma túy: Hầu hết các trường hợp bị khởi tố về tội này đều là những đối tượng nghiện hút, qua khảo sát thực tế trong những năm gần đây số trẻ em nghiện hút các chất ma túy đang có chiều hướng gia tăng, tỷ lệ bị khởi tố về tội này chiếm 2%, đây là vấn đề đang được xã hội quan tâm;

+ NCTN phạm tội bị khởi tố về các tội khác, số lượng này chiếm tỷ lệ là 5,4%.

[5], [6, tr.3-4]

** Đặc điểm hình sự về hoạt động phạm tội của NCTN:*

Trong phạm vi luận văn này, tôi chỉ nêu một cách khái quát những đặc điểm hành vi phạm tội của NCTN như sau:

- Phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm

Về phương thức, thủ đoạn gây án của NCTN thường đơn giản, ít tình vi xảo quyệt, ít có sự chuẩn bị trước, thường có tính chất cơ hội, nhất thời, bồng

bột, thiếu suy nghĩ, không sâu sắc. Trước khi gây án thường ít có sự tính toán, tìm hiểu đối tượng mà mình định xâm hại, trong quá trình gây án và sau khi gây án, chưa biết cách xóa dấu vết, tạo hiện trường giả để đánh lạc hướng, gây khó khăn cho CQĐT. Đây là điểm nổi bật về phong cách, đặc điểm, trạng thái tâm lý của NCTN trong quá trình thực hiện tội phạm.

- Động cơ, mục đích phạm tội

Việc phạm tội của NCTN nói chung là đơn giản, rõ ràng, hành vi phạm tội mang tính nhất thời, bột phát, xuất phát từ nghịch ngợm, tò mò, bắt chước, thể hiện sức mạnh, mưu trí hơn người khác hoặc do thù tức, sĩ diện với bạn bè, không chịu thua chị kém em nên dẫn đến hành vi phạm tội. Động cơ, mục đích phạm tội mà NCTN thực hiện không sâu sắc mà chủ yếu là do ngoại cảnh mang lại. Đối với địa bàn tỉnh, qua điều tra, xác minh cho thấy, việc NCTN phạm tội là do điều kiện kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, lêu lổng, chơi bời, đua đòi, thiếu sự quản lý của gia đình mà trong đó nhu cầu cần tiền để tiêu xài lại cao nên dẫn đến những động cơ, mục đích phạm tội. Ở địa bàn tỉnh cũng đã phát hiện nhiều trường hợp NCTN phạm tội là do bọn tội phạm lớn tuổi rủ rê, lôi kéo, chỉ đạo nên động cơ, mục đích phạm tội này là của bọn tội phạm lớn tuổi.

- Trình độ học vấn

Do trình độ học vấn của NCTN phạm tội ở địa bàn tỉnh thường là rất thấp. Qua thống kê và khảo sát cho thấy, số NCTN không biết chữ là 1,3% có trình độ học vấn là 5%, trung học cơ sở là 27%, trung học phổ thông là 35%, đã bỏ học là 30%, tập trung chủ yếu ở các khu vực nông thôn, miền núi. Có thể nói rằng, trình độ học vấn thấp dẫn đến việc nhận thức đúng sai, phải trái cũng thấp, nên tình trạng phạm tội xảy ra đối với NCTN là không tránh khỏi. Đây là một đặc điểm cơ bản về tình trạng phạm tội ở NCTN trên địa bàn tỉnh.

- Về giới tính

Các vụ phạm tội do NCTN gây ra ở địa bàn tỉnh cho thấy về giới tính: Nam chiếm khoảng 93%, nữ chiếm khoảng 1,7%. So với nam giới thì nữ giới chiếm một tỷ lệ không đáng kể trong tổng số vụ nói chung mà NCTN gây ra.

- Về độ tuổi

Độ tuổi NCTN phạm tội được phân làm hai loại: Loại thứ nhất là lứa tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, loại thứ hai từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Ở lứa tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, trong giai đoạn này, tình trạng phạm tội của NCTN chiếm 64%, độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chiếm 28%, dưới 14 tuổi chiếm 7,3%.

Nếu như ở lứa tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội chủ yếu là do bột phát, vô thức, bị lôi kéo, xúi giục thì ở lứa tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu là do tâm lý lứa tuổi, do bông bột, ham muốn cá nhân, thích bắt chước, đua đòi, thích quan hệ giao du... dẫn đến việc thực hiện tội phạm. Thực tế, các vụ phạm tội như giết người, cướp tài sản, hiếp dâm, cướp giật tài sản do NCTN thực hiện chủ yếu là ở lứa tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Tóm lại, qua việc nghiên cứu, xem xét đặc điểm hình sự về hoạt động tội phạm của NCTN, giúp cho chúng ta thấy được những nét đặc thù của loại tội phạm này, từ đó có những cách thức, biện pháp phù hợp trong quá trình đấu tranh phòng chống, ngăn chặn, xử lý NCTN phạm tội.

2.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội tại tỉnh Quảng Ngãi

2.2.1. Những kết quả đạt được trong thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết

49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. [2], [3] Được sự chỉ đạo tập trung thống nhất của VKSND tối cao và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch công tác kiểm sát hàng năm của VKSND Quảng Ngãi, trong những năm qua VKS đã THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội đạt được một số kết quả:

Hàng năm, VKS thông qua công tác nắm, quản lý và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, đã khởi tố và yêu cầu CQĐT khởi tố hàng chục vụ án hình sự (trong đó có vụ án đối tượng phạm tội là NCTN), góp phần hạn chế tình trạng bỏ lọt tội phạm, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tập thể và cá nhân trong xã hội. Theo số liệu thống kê của VKSND tỉnh Quảng Ngãi, từ năm 2011 đến năm 2015, VKS trực tiếp khởi tố 7 vụ án hình sự (có 1 vụ án do NCTN phạm tội), yêu cầu CQĐT khởi tố 14 vụ, 19 bị can (trong đó có 3 đối tượng là NCTN; Các vụ án VKS khởi tố hoặc yêu cầu CQĐT khởi tố, phần lớn được phát hiện thông qua việc thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong HĐTP hoặc những vụ án mà thông qua công tác nắm, kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm.

Qua thực hiện chức năng THQCT trong giai đoạn điều tra, VKS đã ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố của CQĐT 1 vụ, 1 bị can là NCTN, yêu cầu CQĐT thay đổi 1 quyết định khởi tố vụ án và 1 quyết định khởi tố bị can (thay đổi từ tội cố ý gây thương tích sang tội gây rối trật tự công cộng) cho phù hợp với hành vi phạm tội.

Thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về công tác tư pháp, và tăng cường trách nhiệm pháp lý của VKS đối với công tác bắt, giam, giữ được quy định trong BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015, từ đó công tác bắt, tạm giữ, tạm giam và phê chuẩn của VKS đối với việc bắt, tạm giữ, tạm giam của CQĐT đã có nhiều chuyển biến cả về nhận thức và hành động. Nhìn chung, lãnh đạo VKS quan tâm, chỉ đạo sát sao tinh thần

trách nhiệm đối với mỗi cán bộ, KSV nắm chắc từng trường hợp bắt để phân loại xử lý phê chuẩn hoặc từ chối phê chuẩn, đặc biệt với đối tượng là NCTN nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động công tác này. Qua phân tích số liệu báo cáo thống kê của VKSND tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011 đến năm 2015 [36] nhận thấy:

- Đối với bắt tạm giữ:

Tạm giữ theo thủ tục hình sự 2.214 trường hợp, trong đó có 113 đối tượng là NCTN gồm:

Bắt khẩn cấp 37; Bắt quả tang 42; Bắt truy nã 12; Đầu thú 14; Tự thú: 8

Đã giải quyết: Chuyển khởi tố hình sự 106 trường hợp (đạt 93,8%); chuyển xử lý hành chính 7 trường hợp (chiếm 6,2%).

Qua hoạt động công tác kiểm sát, VKS đã không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp 2 trường hợp là NCTN vì thấy chưa đủ căn cứ; không phê chuẩn gia hạn tạm giữ 3 trường hợp là NCTN vì xét thấy không cần thiết phải gia hạn tạm giữ mà khởi tố bị can áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

Trong công tác THQCT ở giai đoạn điều tra, VKS đã tập trung thực hiện tốt công tác bắt giữ và phân loại xử lý ngay từ đầu, nên việc ra các quyết định phê chuẩn, quyết định không phê chuẩn đối với các trường hợp bắt tạm giữ của CQĐT đã đạt được nhiều tiến bộ, khắc phục được cơ bản những sai sót trong việc bắt giữ như: lạm dụng bắt khẩn cấp, lạm dụng bắt quả tang hoặc việc bắt giữ vi phạm các thủ tục TTHS, tỷ lệ bắt giữ chuyển khởi tố hình sự đối với NCTN đạt trên 93%; trong đó, tỷ lệ bắt giữ khởi tố hình sự của năm sau đều cao hơn các năm trước từ 1 đến 2%. tỷ lệ bắt giữ chuyển khởi tố hình sự đạt trên 97% ngày càng tăng.

- Đối với bắt tạm giam:

BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 quy định rõ trách nhiệm trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với

người chưa thành niên (Điều 419 BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung điều 303 BLTTHS 2003). Có thể thấy rằng, BLTTHS quy định rất chặt chẽ căn cứ bắt cũng như căn cứ ra lệnh, thẩm quyền, trình tự, thủ tục bắt giam nhất là đối với NCTN.

Trong những năm qua, chất lượng trong việc phê chuẩn, từ chối phê chuẩn hoặc yêu cầu bắt tạm giam của VKS trong thời gian qua từ khi có BLTTHS năm 2003 đến nay ngày càng được nâng cao. Từ năm 2011 đến năm 2015, VKS đã phê chuẩn lệnh tạm giam của CQĐT đối với 42 trường hợp là NCTN, không phê chuẩn lệnh tạm giam đối với 7 trường hợp. Phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam của CQĐT 13 trường hợp, không phê chuẩn 2 trường hợp. Thông qua công tác kiểm sát, VKS yêu cầu CQĐT ra lệnh bắt tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với 2 bị can VKS trực tiếp ra lệnh bắt tạm giam 2 bị can.

Công tác THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp trong hoạt động điều tra đối với các vụ án do NCTN phạm tội đã được VKS chú trọng ngay từ khi khởi tố vụ án nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của hoạt động này; VKS đã ra quyết định hủy bỏ 2 quyết định khởi tố bị can của CQĐT vì không đủ căn cứ để khởi tố. Trong quá trình THQCT và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự, lãnh đạo VKS đã chỉ đạo KSV xây dựng hồ sơ kiểm sát theo đúng Quy chế THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự được ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2008 của Viện trưởng VKSND tối cao. Do đó, qua kết quả công tác cho thấy, về cơ bản các vụ án do NCTN phạm tội đã được giải quyết đều có căn cứ và đúng pháp luật, hạn chế được trường hợp oan sai, bỏ lọt tội phạm cũng như các trường hợp án phải gia hạn điều tra.

Theo số liệu thống kê của VKS tỉnh Quảng Ngãi, từ năm 2011 đến năm 2015, thụ lý kiểm sát điều tra 2.434 vụ, 4.448 bị can; trong đó án do NCTN

phạm tội 209 vụ, 417 bị can (chiếm 8,5% so với tổng số án thụ lý); VKS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can 348 bị can, huỷ bỏ 2 quyết định khởi tố bị can. VKS trực tiếp khởi tố 1 vụ, yêu cầu CQĐT khởi tố 2 trường hợp là NCTN. CQĐT kết thúc điều tra 195 vụ, 409 bị can, trong đó đề nghị VKS truy tố 189 vụ, 401 bị can, đình chỉ điều tra 1 vụ, 2 bị can, tạm đình chỉ điều tra 5 vụ, 6 bị can.

VKS phải giải quyết 217 vụ, 445 bị can, đã giải quyết 213 vụ, 436 bị can. Trong đó, quyết định truy tố 211 vụ (đạt tỷ lệ 97,2%), 434 bị can, đình chỉ 1 vụ, 1 bị can, tạm đình chỉ 1 vụ, 1 bị can.

Công tác THQCT và kiểm sát điều tra được chú trọng đã hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp số bị can đã khởi tố sau phải đình chỉ vì không phạm tội, hoặc bỏ lọt tội phạm, hình sự hoá các quan hệ dân sự, hành chính... THQCT ở giai đoạn điều tra, truy tố của VKS đảm bảo đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật, số bị can khởi tố sau phải đình chỉ vì không phạm tội đối với tất cả các trường hợp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhìn chung đã giảm qua các năm, riêng đối với các vụ án do NCTN phạm tội từ năm 2011 đến năm 2015 không xảy ra trường hợp nào, không có trường hợp nào tòa án tuyên không phạm tội. VKS cũng đã phối hợp tốt với các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự trọng điểm được dư luận xã hội quan tâm để điều tra, truy tố, xét xử lưu động phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương và tuyên truyền pháp luật. [36]

Trên cơ sở kết quả THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự, VKS đã tổng hợp vi phạm của CQĐT để kiến nghị yêu cầu khắc phục các vi phạm thường xảy ra trong quá trình điều tra như: Vi phạm về thời hạn giải quyết tố giác, tin báo tội phạm; trong việc thực hiện thủ tục bắt giữ người, không mời người bào chữa, thu giữ, kê biên, xử lý tang vật;

thu thập chứng cứ; các vi phạm về thủ tục tố tụng như gửi lệnh, quyết định không đúng thời hạn tố tụng, gửi thủ tục tố tụng thiếu...

Kết quả đạt được nêu trên của Viện kiểm sát Quảng Ngãi trong thời gian qua là do một số nguyên nhân chủ quan và khách quan đó là:

- *Một là*, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến công tác tư pháp, trong đó đáng chú ý là Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết 49- NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Thực hiện chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, Nhà nước đã sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới nhiều bộ luật, luật, pháp lệnh trong lĩnh vực hình sự và TTHS, trong đó đáng chú ý như: BLHS, BLTTHS năm 2015, Luật tổ chức VKSND và Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015... Các cơ quan tư pháp ở Trung ương cũng đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn để thực hiện thống nhất trong quá trình giải quyết án hình sự; đó thực sự là những văn bản tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động giải quyết án hình sự, trong đó có hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra của VKS nói chung và THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKS nói riêng.

- *Hai là*, các cơ quan tư pháp ở trung ương đã phối hợp ban hành các thông tư liên ngành hướng dẫn thi hành BLHS và BLTTHS. VKSND tối cao đã tổ chức nhiều lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề và thông báo rút kinh nghiệm về giải quyết các vụ án hình sự nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự trong toàn ngành Kiểm sát, và ban hành Quy chế công tác THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự; Quy chế công tác THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án hình sự; Quy chế về thông tin báo cáo và quản lý công

tác trong ngành Kiểm sát; Quyết định về việc xây dựng, quản lý sử dụng, bảo quản hồ sơ kiểm sát điều tra vụ án hình sự... Đây là những văn bản pháp lý có ý nghĩa quan trọng hướng dẫn quy trình, thao tác nghiệp vụ cho hoạt động THQCT của VKSND.

- *Ba là*, VKS đã chủ động tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử án hình sự; từ việc tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về tội phạm; việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cũng như việc xem xét phê chuẩn đề nghị áp dụng các biện pháp ngăn chặn (trong đó chủ yếu là biện pháp khởi tố, bắt, tạm giữ, tạm giam) của VKS đã được tiến hành khẩn trương, khách quan và thận trọng. Do đó, đã hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng dễ xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm, bảo vệ quyền tự do dân chủ của công dân.

- *Bốn là*, đội ngũ cán bộ, KSV, KTV- VKS được tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. VKSND tối cao đã tích cực chủ động liên kết với Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Luật thuộc Đại học Huế, Đại học Cảnh sát nhân dân tổ chức đào tạo, hoàn chỉnh kiến thức Cử nhân luật cho hàng trăm cán bộ, KSV; công tác bổ nhiệm và tái bổ nhiệm KSV luôn được chú trọng cả về bằng cấp, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao và phẩm chất đạo đức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ THQCT và kiểm sát các HĐTP trong tình hình mới.

- *Năm là*, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc và chế độ chính sách đối với cán bộ các cơ quan tư pháp nói chung, đối với ngành Kiểm sát nói riêng đã từng bước được Đảng, Nhà nước quan tâm; cấp ủy, chính quyền địa phương tạo điều kiện giúp đỡ cả về vật chất và tinh thần. Về cơ bản, VKS đã có trụ sở làm việc ổn định, được trang bị máy vi tính, máy photo, xe máy công, một số VKSND huyện đã được trang bị ô tô để phục vụ

công tác THQCT và kiểm sát điều tra. Những sự quan tâm trên đã phần nào tạo được sự ổn định tư tưởng, yên tâm công tác trong cán bộ, Kiểm tra viên, KSV VKSND.

2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra vụ án của người chưa thành niên phạm tội

**** Những hạn chế***

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong thời gian qua còn những hạn chế sau:

- Khi thực hiện các quyền năng pháp lý THQCT để khởi tố hoặc yêu cầu khởi tố vụ án, bị can hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ, trái pháp luật của CQĐT thiếu kiên quyết, hoặc có lúc thiếu thận trọng, chưa được thực hiện một cách có hiệu quả. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm hoặc dẫn đến oan, sai. Thực tế, số vụ án, bị can VKS trực tiếp khởi tố, yêu cầu khởi tố hoặc số vụ án VKS hủy quyết định khởi tố của CQĐT hầu như không đáng kể; trong đó các vụ án NCTN phạm tội xảy ra nhiều nhưng việc phân loại xử lý còn chưa chặt chẽ dẫn đến có nhiều vụ việc không cần phải xử lý hình sự nhưng vẫn khởi tố điều tra hoặc có nhiều vụ phải khởi tố điều tra nhưng lại xử lý hành chính. Theo số liệu thống kê của VKS tỉnh Quảng Ngãi, từ năm 2011 đến năm 2015, VKS trực tiếp khởi tố 1 vụ, yêu cầu khởi tố 2 bị can là NCTN; đây là con số khá khiêm tốn so với vụ án đã được khởi tố điều tra trong 5 năm qua. Thực hiện kiểm sát việc khởi tố vụ án, bị can chưa được tập trung chú trọng ngay từ đầu; vì vậy đối với các vụ án NCTN phạm tội, VKS phát hiện và hủy bỏ được 2 quyết định khởi tố bị can không có căn cứ, trái pháp luật của CQĐT. Trên thực tế, VKS chưa có biện pháp nắm, quản lý và xử lý tin báo, tố giác tội phạm có hiệu quả, mặc dù đã mở hòm thư tố giác và công khai số điện thoại cho nhân

dân biết. Phải khẳng định, thực tế hành vi vi phạm pháp luật do NCTN thực hiện vẫn xảy ra nhiều, nhiều vi phạm có dấu hiệu tội phạm, không ít vụ án xảy ra có tính chất nghiêm trọng nhưng không được phát hiện kịp thời để khởi tố hoặc nhiều vụ án CQĐT không khởi tố nhưng VKS không nắm được để khởi tố hoặc yêu cầu khởi tố. Qua đó phần nào đã gây ra tâm lý bất bình, sự phản ứng của dư luận ảnh hưởng lòng tin của nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung và VKS nói riêng.

- Về công tác bắt, tạm giữ, tạm giam và phê chuẩn của VKS mặc dù đã có nhiều cố gắng, hiệu quả công tác kiểm sát được nâng lên, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được với yêu cầu của cải cách tư pháp. Thực tế vẫn còn những hạn chế, tồn tại như: vẫn còn để xảy ra một số trường hợp tạm giữ theo thủ tục hình sự sau đó lại xử lý hành chính. Nếu không được khắc phục kịp thời sẽ dẫn đến việc bắt, giữ, giam oan, sai hoặc không bắt giữ, giam dẫn đến đối tượng trốn phải tạm đình chỉ điều tra.

Hoạt động THQCT vẫn còn để xảy ra có trường hợp bị lạm dụng bắt khẩn cấp, hoặc thực hiện việc bắt khẩn cấp không đúng quy định tại Điều 81 BLTTHS 2003, bắt khẩn cấp cả những trường hợp không có "yếu tố khẩn cấp" như: người phạm tội ra tự thú hoặc mời lên trụ sở làm việc sau đó ra lệnh bắt khẩn cấp; đối với một số trường hợp đủ căn cứ bắt tạm giam nhưng CQĐT vẫn ra lệnh bắt khẩn cấp; một số trường hợp bắt khẩn cấp sau đó phải trả tự do vì không đủ căn cứ khởi tố hình sự; quá trình xem xét phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, VKS đã không kịp thời phát hiện để từ chối phê chuẩn vì nhiều lý do khác nhau như: trình độ nghiệp vụ non kém, tinh thần trách nhiệm với công việc chưa cao hoặc do nể nang trong quan hệ công tác... Đó đều là những trường hợp vi phạm thủ tục tố tụng cần phải được nghiêm túc kiểm điểm và khắc phục kịp thời trong thời gian tới.

Qua số liệu thống kê của VKSND tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2011 đến

năm 2015 cho thấy, mặc dù tỷ lệ bắt giữ chuyển khỏi tố hình sự được tăng từ 96% trong năm 2011 lên 98% vào năm 2015, tỷ lệ trung bình trong 5 năm từ 2011 đến 2015 là 97%; nhưng vẫn còn 9 trường hợp NCTN (chiếm 7%) bị tạm giữ hình sự nhưng phải xử lý hành chính.

Chất lượng công tác THQCT trong việc xem xét phê chuẩn lệnh tạm giam, lệnh bắt bị can tạm giam của VKS đã có nhiều cố gắng. Tuy nhiên vẫn còn một số trường hợp cụ thể chất lượng còn hạn chế, có trường hợp VKS phê chuẩn lệnh tạm giam hoặc lệnh bắt tạm giam nhưng sau đó đình chỉ điều tra (chủ yếu xảy ra ở loại tội phạm cố ý gây thương tích do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố). Các trường hợp VKS phê chuẩn lệnh tạm giam hoặc lệnh bắt tạm giam sau đó đình chỉ vì không phạm tội về cơ bản không xảy ra. Đối với các trường hợp đình chỉ miễn TNHS mà bị can có tạm giam, về nguyên tắc bị can vẫn phạm tội nhưng rõ ràng chất lượng công tác khởi tố cũng như chất lượng bắt giam và phê chuẩn tạm giam của CQĐT và VKS là hạn chế, trong đó trách nhiệm chính thuộc về VKS. Qua khảo sát thực tế, nhiều trường hợp không cần thiết phải tạm giam như: bị can phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, có nơi cư trú rõ ràng... nhưng vẫn bị tạm giam, đến giai đoạn Tòa án xét xử cho bị cáo hưởng án treo hoặc tuyên mức án đúng bằng thời hạn tạm giam.

Chất lượng công tác kiểm sát việc khởi tố vụ án và kiểm sát điều tra của VKS còn hạn chế. Có vụ CQĐT khởi tố vụ án không đúng pháp luật nhưng VKS không kịp thời sử dụng quyền năng pháp lý để hủy bỏ dẫn đến sau này phải đình chỉ vụ án, hoặc để cho CQĐT rút lại quyết định khởi tố của mình; thực tế cho thấy có những trường hợp CQĐT khởi tố, sau đó VKS phải đình chỉ miễn TNHS, nếu ngay từ đầu có sự phối hợp tốt trong đánh giá hành vi vi phạm pháp luật và tính chất vụ việc, từ đó phân loại phù hợp thì có thể không cần thiết phải khởi tố điều tra mà có thể áp dụng biện pháp xử lý hành

chính. Nhiều vụ án VKS không kiểm sát điều tra chặt chẽ ngay từ đầu, do vậy chất lượng hồ sơ và chứng cứ buộc tội yếu, nhiều vi phạm của CQĐT không được phát hiện kịp thời để áp dụng các biện pháp huỷ bỏ hoặc kiến nghị yêu cầu khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với hoạt động kiểm sát việc khởi tố và kiểm sát điều tra chưa được thực hiện chặt chẽ, thường xuyên đối với tất cả các vụ án đã khởi tố, dẫn đến một số tồn tại, cụ thể như sau:

- + Về tỷ lệ án đình chỉ điều tra: Từ năm 2011 đến 2015, CQĐT và VKS cấp huyện đã đình chỉ 2 vụ, 3 bị can; trong đó CQĐT đình chỉ 1 vụ, 2 bị can (chiếm 0,47% so với tổng thụ lý), VKS đình chỉ 1 vụ, 1 bị can (chiếm 0,46% so với số vụ phải giải quyết)

- + Trong một số vụ việc vụ thể: CQĐT và VKS khi xem xét đánh giá chứng cứ không đầy đủ, thiếu khách quan, trình độ cán bộ trong việc xem xét cụ thể đối với các vụ án NCTN phạm tội còn nhiều hạn chế nên đã thực hiện khởi tố vụ án khi chưa đủ căn cứ pháp luật, khởi tố những vụ việc không thoả mãn dấu hiệu của tội phạm hoặc mặc dù hành vi vi phạm pháp luật đó có dấu hiệu tội phạm nhưng tính chất mức độ hành vi phạm tội có thể không cần thiết phải xử lý hình sự mà xử lý bằng biện pháp khác nhưng CQĐT vẫn khởi tố sau này lại thực hiện thủ tục đình chỉ miễn TNHS. Thực tế đối với vụ án NCTN phạm tội việc xác định có hay không có tội phạm xảy ra là không khó nhưng việc đánh giá tính chất hành vi phạm tội, mức độ, hậu quả xem có phải xử lý hình sự chưa lại là vấn đề rất khó; đòi hỏi cán bộ được phân công thụ lý mà đặc biệt là vai trò của KSV là rất quan trọng trong việc nghiên cứu, tham mưu đề xuất cho Lãnh đạo Viện để quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn, thực hiện các quyền năng pháp lý được chính xác, đúng pháp luật tạo điều kiện giúp đỡ, giáo dục các em thành người công dân tốt cho xã hội. Bên cạnh đó cũng có một số vụ công tác chứng minh tội phạm thiếu thận trọng khi thu

giữ vật chứng, giám định, lấy lời khai hoặc khi phải điều tra bổ sung nên khó khắc phục được đầy đủ nguồn chứng cứ vì thời gian đã lâu, nhiều chứng cứ quan trọng đã bị tiêu hủy...

+ Tình trạng CQĐT kết thúc điều tra vụ án chuyển sang VKS đề nghị truy tố sau đó VKS phải trả lại để điều tra bổ sung còn xảy ra nhiều. Theo số liệu thống kê của VKSND Quảng Ngãi, từ năm 2011 đến năm 2015, số vụ án VKS phải trả lại hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung là 13 vụ/189 vụ đã kết thúc điều tra đề nghị truy tố, chiếm tỷ lệ 6,87%, CQĐT chấp nhận 13 vụ, những hồ sơ trả điều tra bổ sung chủ yếu là do chứng cứ chưa đầy đủ. Số vụ Tòa án trả lại hồ sơ cho VKS là 15 vụ/211 vụ truy tố, chiếm tỷ lệ 7,1%, VKS chấp nhận 15 vụ. Tình trạng án phải trả đi trả lại để điều tra bổ sung không những làm chậm tiến độ giải quyết án, mà còn tốn thời gian và công sức để khắc phục những thiếu sót của hoạt động điều tra ban đầu. [36]

Từ những phân tích trên cho thấy, hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKS trong 5 năm qua đã đạt được nhiều thành tích đáng kể, đó được xem là những ưu điểm và kết quả đạt được là cơ bản cần được khẳng định. Kết quả đó đã góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy kinh tế xã hội trên địa bàn phát triển; bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và cá nhân trong xã hội. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế, tồn tại mặc dù chiếm tỷ lệ không đáng kể trong mối tương quan với những kết quả đã đạt được.

** Những nguyên nhân cơ bản hạn chế chất lượng THQCT của VKS*

Từ sự phân tích nêu trên chúng ta có thể nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến hạn chế chất lượng THQCT của VKSND, nhưng chủ yếu do hai nguyên nhân chính đó là nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan:

** Nguyên nhân khách quan*

- Hệ thống pháp luật và các QPPL quy định về thủ tục cũng như việc

xử lý đối với NCTN phạm tội còn chưa đầy đủ và có những bất cập. Đúng như đánh giá tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị là: "pháp luật trong lĩnh vực tư pháp chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và còn nhiều sơ hở". Cho đến nay, các bộ luật trên đã được sửa đổi bổ sung. Hệ thống các QPPL về TTHS và hình sự tương đối hoàn chỉnh đã phát huy hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên qua thực tiễn công tác và những đòi hỏi bức thiết của tình hình mới, trong điều kiện của nền kinh tế thị trường và yêu cầu cải cách tư pháp thì một số quy định về xử lý NCTN phạm tội trong BLHS, BLTTHS đã bộc lộ những bất cập, mâu thuẫn gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và của VKS thông qua vai trò của KSV nói riêng.

Về thủ tục tố tụng đối với NCTN phạm tội được quy định trong BLHS, BLTTHS năm 2015, tuy đã được sửa đổi bổ sung quy định đầy đủ hơn so với BLTTHS năm 2003 và BLHS năm 1999, và ngày 1/7/2016 có hiệu lực song vẫn còn những quy định chưa cụ thể và mâu thuẫn, vướng mắc với các quy định khác của pháp luật.

Thực tế các cơ quan tiến hành tố tụng còn nhiều cách hiểu không thống nhất về qui định của BLTTHS, BLHS và đã thực hiện không đúng quy định về quyền được nhờ người bào chữa của bị can, bị cáo là NCTN, đồng thời không chủ động đề nghị cử người bào chữa theo đúng pháp luật.

Mặc dù BLHS hiện hành đã có nhiều sửa đổi bổ sung, nhưng các quy định về xử lý NCTN phạm tội vẫn chưa đầy đủ và còn những bất cập là nguyên nhân của những hạn chế trong THQCT đối với vụ án NCTN phạm tội. Quy định BLHS về việc miễn truy cứu TNHS đối với NCTN phạm tội. Trên thực tế, VKS trong 5 năm qua chỉ áp dụng được 2 trường hợp. Một mặt, điều này cho thấy VKS không áp dụng một loại hình xử lý có tính nhắc nhở, giáo dục NCTN phạm tội. Mặt khác cũng cho thấy quy định của pháp luật về những

nghĩa vụ của gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát giáo dục không được đề cập, các quy định còn mâu thuẫn chưa cụ thể... Do vậy dễ dẫn đến những nhận thức sai lệch hiệu quả giáo dục không cao khi áp dụng pháp luật.

- Công tác giải thích hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền còn nhiều bất cập và chưa đầy đủ, kịp thời, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị nhận định: “Công tác xây dựng, giải thích, hướng dẫn và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó có lĩnh vực pháp luật về tư pháp còn nhiều bất cập và hạn chế”.

Đối với các quy định của BLHS và BLTTHS quy định về xử lý cũng như thủ tục tố tụng được áp dụng đối với NCTN phạm tội, trong các trường hợp luật quy định còn thiếu cụ thể như đã nêu, lại không được hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng. Chẳng hạn việc miễn truy cứu TNHS đối với NCTN phạm tội; việc áp dụng các biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với NCTN, việc đảm bảo quyền bào chữa, nhờ luật sư bào chữa của bị can, bị cáo là NCTN, việc xét xử của Tòa án... Những hạn chế của công tác giải thích, hướng dẫn là nguyên nhân đưa đến những khó khăn để xử lý NCTN phạm tội của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, THQCT đối với vụ án NCTN phạm tội nói riêng của VKSND. Nhiều chế định, nhiều tội phạm cụ thể của BLHS cần có hướng dẫn nhưng số văn bản hướng dẫn được ban hành hàng năm còn ít. Nguyên nhân chủ yếu do chậm nghiên cứu tổng kết thực tiễn để có sự giải thích, hướng dẫn kịp thời; do chưa có cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả trong việc xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật.

Có thể nói rằng, hiện nay BLHS, BLTTHS năm 2015 đã khắc phục được một cách cơ bản những hạn chế, bất cập của BLTTHS năm 2003 và BLHS 1999; BLTTHS, BLHS năm 2015 ra đời sau Nghị quyết 08 của Bộ chính trị, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 nó thể hiện được nhiều giá trị pháp lý, là cơ sở cho các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như thực hiện các

quyền và trách nhiệm pháp lý, thực hiện các thủ tục trong giải quyết các vụ án hình sự; tuy nhiên chưa phát huy được vai trò theo đúng ý tưởng của các nhà lập pháp trong việc hạn chế và khắc phục những thiếu sót, tồn tại của hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra của VKSND. Chúng ta biết rằng, quá trình thực hiện BLTTHS 2003, BLHS 1999 Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; nhiều nội dung về cải cách tư pháp mới được đề cập và cần thiết cho việc cụ thể hoá thành các quy định của pháp luật để áp dụng trong thực tế và do vậy cần thiết phải được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

- Cơ sở vật chất và phương tiện làm việc còn thiếu và lạc hậu cũng là nguyên nhân làm cho việc THQCT nói chung, THQCT đối với vụ NCTN phạm tội nói riêng gặp không ít khó khăn. Mặc dù những năm vừa qua, sự quan tâm của Nhà nước đã tạo điều kiện để ngành Kiểm sát cải thiện đáng kể điều kiện về cơ sở vật chất và phương tiện làm việc. Tuy nhiên về cơ bản các điều kiện đảm bảo thường xuyên, đầy đủ phục vụ cho hoạt động kiểm sát vẫn chưa được đảm bảo. Nhiều KSV chưa được tiếp cận và sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị hiện đại.

** Nguyên nhân chủ quan*

- Về năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, kiểm tra viên, KSV làm công tác THQCT ở giai đoạn điều tra còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu công cuộc cải cách tư pháp hiện nay ở nước ta. Đây là nguyên nhân chính thuộc yếu tố chủ quan hạn chế chất lượng THQCT và kiểm sát các HĐTP của VKS. Chúng ta biết, chất lượng THQCT, lẽ tất yếu là do con người, phụ thuộc vào khả năng chuyên môn và sự công tâm của những chủ thể trực tiếp làm công tác. Một số KSV còn hạn chế về năng lực chuyên môn, thiếu hiểu biết về tâm lý lứa tuổi, còn nặng về tư tưởng xử lý NCTN phạm tội là nhằm đấu tranh, trừng trị, chưa

thấm nhuần quan điểm của Đảng và Nhà nước ta khi xử lý chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, tạo điều kiện để cho họ phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Công tác bố trí, sắp xếp và sử dụng cán bộ, KSV chưa chú trọng đến địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, có nơi còn phân công, bố trí KSV thiếu những kiến thức và kinh nghiệm cần thiết để THQCT, kiểm sát điều tra đối với các vụ án nghiêm trọng, phức tạp.

- Trong hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra nói chung và THQCT ở giai đoạn điều tra các vụ án do NCTN phạm tội nói riêng, một số KSV chưa thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao. Một số KSV thiếu chủ động trong hoạt động THQCT và kiểm sát các HĐTP ở giai đoạn điều tra; chưa bám sát quá trình điều tra vụ án, nghiên cứu hồ sơ vụ án không kỹ, không sâu sắc nên không nắm được đầy đủ, tỷ mỉ các tình tiết buộc tội và gỡ tội đối với bị can, do đó dẫn đến không phát hiện được chứng cứ còn thiếu, những chứng cứ mâu thuẫn của chứng cứ buộc tội, gỡ tội để đề ra yêu cầu điều tra bổ sung khắc phục.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo VKS tuy đã được tăng cường đổi mới nhưng có lúc có nơi còn bất cập. Trước hết là việc kiểm tra, chỉ đạo, điều hành KSV thực hiện các thao tác nghiệp vụ theo Quy chế THQCT và kiểm sát điều tra cũng như việc lập hồ sơ kiểm sát theo quy định của ngành còn chưa chặt chẽ nên những thiếu sót của KSV trong quá trình THQCT chưa được phát hiện chấn chỉnh, khắc phục kịp thời. Công tác kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo của VKSND cấp trên đối với cấp dưới của lãnh đạo đối với KSV có lúc, có nơi chưa được chú trọng và chưa thường xuyên liên tục.

- Các chế độ đãi ngộ cũng như chính sách tiền lương đối với cán bộ, KSV chưa phù hợp với trách nhiệm và tính chất công việc cũng có thể là một

trong những nguyên nhân khiến cho một số KSV thiếu bản lĩnh bị kẻ xấu lợi dụng, mua chuộc làm tha hoá, biến chất dẫn đến tình trạng hoạt động THQCT thiếu khách quan, thiếu chính xác và trái pháp luật, có trường hợp bị xử lý về hình sự.

- Công tác giám sát của các cơ quan, đại biểu dân cử, của các tổ chức xã hội và nhân dân đối với hoạt động THQCT và kiểm sát các HĐTP còn nhiều bất cập, đặc biệt chưa có cơ chế giám sát hiệu quả. HĐND chủ yếu thực hiện quyền giám sát thông qua việc nghe báo cáo kết quả công tác theo định kỳ và giám sát thông qua chất vấn tại các phiên họp của HĐND đối với lãnh đạo ngành Kiểm sát. Thực tế, do HĐND phải thực hiện giám sát đối với hoạt động của tất cả các cơ quan Nhà nước nói chung, nên không đủ thời gian và điều kiện để thực hiện giám sát chuyên sâu đối với hoạt động THQCT của VKS; bên cạnh đó, chất lượng và kiến thức pháp luật cũng như sự hiểu biết về chức năng, nhiệm vụ đối với VKS của Đại biểu HĐND cũng là vấn đề làm hạn chế chất lượng giám sát, chất vấn đối với VKS. Trong điều kiện đó, không phải đại biểu nào cũng có đầy đủ năng lực chuyên môn để thực hiện chức năng giám sát của mình.

- Công tác chủ động phối hợp liên ngành giữa các cơ quan tư pháp, đặc biệt là giữa VKS với CQĐT và Tòa án trong việc giải quyết các vụ án hình sự, có thời gian ở một số đơn vị cấp huyện còn chưa chặt chẽ, chất lượng chưa cao; né tránh, ngại va chạm giữa cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đó là những nguyên nhân hạn chế chất lượng việc giải quyết các vụ án hình sự.

- Hoạt động tổng kết rút kinh nghiệm, xây dựng các chuyên đề của VKS tỉnh trong việc nâng cao chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự được chú trọng thực hiện, song hiệu quả, chất lượng chưa cao, còn nặng về báo cáo số liệu chưa rút ra được bài học kinh nghiệm trong thực tiễn

cho KSV học hỏi để vận dụng, áp dụng vào công tác THQCT và kiểm sát các HĐTP.

Kết luận Chương 2

Nội dung chương 2, tác giả sử dụng các phương pháp tổng hợp, phân tích, thống kê, so sánh để làm rõ thực trạng THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội. Qua phân tích số liệu của VKSND tỉnh Quảng Ngãi, có thể thấy được những kết quả đạt được, bên cạnh đó cũng còn không ít những hạn chế, yếu kém cần phải được khắc phục. Những hạn chế yếu kém đó do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu vẫn là do luật thực định còn nhiều bất cập, năng lực trình độ của cán bộ, KSV còn hạn chế.

Từ thực trạng trên cho thấy, yêu cầu phải nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động THQCT của VKS nói chung và THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội nói riêng là một yêu cầu cấp thiết. Do đó, đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay cũng như hiệu quả, hiệu lực THQCT của VKS.

CHƯƠNG 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

3.1. Quan điểm bảo đảm thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội

Thực trạng NCTN phạm tội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong những năm gần đây diễn biến rất phức tạp và có xu hướng gia tăng. Số NCTN phạm các tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng như tội giết người, tội cướp tài sản, tội trộm cắp tài sản, tội cố ý gây thương tích chiếm một tỷ lệ đáng kể. Thực trạng trên đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới trật tự trị an xã hội trong tỉnh, có tác động xấu tới công tác truyền truyền giáo dục thanh thiếu niên. Các cơ quan chức năng, đặc biệt là các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động của mình đã sử dụng nhiều biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm NCTN gây ra. Hoạt động THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh đó, một mặt vừa giáo dục, phòng ngừa NCTN phạm tội, mặt khác vừa tuyên truyền, thuyết phục, cảm hoá tầng lớp thanh thiếu niên nâng cao ý thức chấp hành pháp luật không vi phạm pháp luật và phạm tội, đồng thời qua hoạt động THQCT kiến nghị các cấp, các ngành và mỗi gia đình tăng cường quản lý giáo giục đối với NCTN đảm bảo sự phát triển lành mạnh của các em. Đây vừa là mục tiêu vừa là nhiệm vụ và trách nhiệm đặt ra đối với chủ thể THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội. Để thực hiện trách nhiệm của mình và đạt tới mục tiêu, chủ thể của hoạt động là KSV cần quán triệt các quan điểm cơ bản về THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội, [1], [27] đó là:

- Phải quán triệt quan điểm của Đảng, chính sách hình sự của Nhà nước trong xử lý NCTN phạm tội, đó là: “Việc xử lý NCTN phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội”. (Điều 69 BLHS năm 1999, điều 91 BLHS năm 2015).

Phải xác định rằng, việc xử lý NCTN phạm tội của VKS chủ yếu là nhằm cảm hoá, giáo dục. Cần xác định việc giáo dục NCTN phạm tội là một công việc lâu dài, với nhiều biện pháp để họ có thể có điều kiện sửa chữa sai lầm khuyết điểm, giúp đỡ họ lấy lại niềm tin trong cuộc sống, tự cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Việc xử lý hình sự đối với NCTN phạm tội chỉ được đặt ra khi thật sự cần thiết, khi mà các biện pháp giáo dục, tác động xã hội khác không mang lại kết quả.

Thông qua hoạt động THQCT, VKS phải tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, có hay không sự xúi dục của người lớn, tính chất, mức độ tội phạm thực tế đã gây ra mà quyết định một TNHS cụ thể đối với họ. Có như vậy hoạt động của VKS mới phát huy hết tác dụng giáo dục đồng thời đấu tranh phòng, chống tội phạm do NCTN gây ra.

- Phải căn cứ vào diễn biến tình hình tội phạm của NCTN và những yêu cầu của công tác giáo dục thanh thiếu niên, nhi đồng trên địa bàn tỉnh trong điều kiện về kinh tế và văn hoá có bước phát triển mới. Để thực hiện quan điểm trên, cần chú ý những nội dung cơ bản sau:

+ Diễn biến tình hình tội phạm do NCTN gây ra là rất phức tạp. THQCT đối với NCTN phạm tội phải dựa trên cơ sở đánh giá đúng diễn biến tình hình, xác định chính xác các nguyên nhân, điều kiện phạm tội để quyết định việc xử lý, đảm bảo hiệu quả.

+ Đấu tranh ngăn chặn tình trạng NCTN phạm tội trong điều kiện hiện nay, việc ADPL hình sự với những chế tài nghiêm khắc là hết sức cần thiết,

nhưng phải chú ý tới yêu cầu giáo dục, cảm hoá NCTN phạm tội, tạo điều kiện để họ tự sửa chữa sai lầm, khuyết điểm trở thành công dân có ích cho xã hội.

+ THQCT đối với NCTN phạm tội phải tập trung xử lý nghiêm minh, kịp thời có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung các loại tội phạm đang có chiều hướng gia tăng trong lứa tuổi NCTN, như các tội xâm phạm sở hữu; tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ người khác, tội phạm về ma túy. Thông qua THQCT vụ án NCTN, VKS kiến nghị các ngành hữu quan có những biện pháp quản lý, giáo dục và ngăn ngừa NCTN phạm tội có hiệu quả.

- THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKS phải đảm bảo xu hướng hội nhập Quốc tế. Thực hiện quan điểm này cần chú ý:

+ Ngoài việc đảm bảo quy định của pháp luật Việt Nam còn phải tính đến mức độ phù hợp với quy định pháp luật của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Việc quyết định một TNHS đối với NCTN phải đảm bảo yêu cầu bảo vệ quyền con người và quyền trẻ em theo các Công ước quốc tế.

+ Tránh hình sự hoá các hành vi vi phạm pháp luật chưa đến mức bị coi là tội phạm của NCTN. Nếu phải khởi tố điều tra NCTN phạm tội thì cần chú ý và ưu tiên xem xét tới việc miễn TNHS, áp dụng một biện pháp thay thế giảm nhẹ so với người đã thành niên. Việc bắt tạm giữ, tạm giam chỉ được áp dụng trong những trường hợp thật cần thiết.

Trên đây là một số quan điểm cơ bản về THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội. Những quan điểm này là sự định hướng cho việc đề ra và lựa chọn các giải pháp thích hợp bảo đảm của VKS phù hợp với điều kiện, đặc điểm tình hình cụ thể ở tỉnh Quảng Ngãi. [35], [36]

3.2. Giải pháp bảo đảm thực hành quyền công tố của viện kiểm sát trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội

3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật

Đề hoạt động THQCT của VKS mang lại hiệu quả, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và pháp chế XHCN; trước hết phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ, rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu và dễ thực hiện.

Xuất phát từ đặc điểm tâm lý và yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm đối với NCTN. BLHS năm 1999, BLTTHS năm 2003 và BLHS, BLTTHS năm 2015 đã có những quy định một chương, một số điều riêng đối với NCTN phạm tội, trong đó có nguyên tắc xử lý đối với NCTN phạm tội - mục đích của việc xử lý NCTN có hành vi phạm tội là nhằm giáo dục, cải tạo, giúp đỡ họ trở thành công dân có ích cho xã hội. Đây là nguyên tắc bao trùm, mang tính chỉ đạo thể hiện chính sách hình sự của Đảng và nhà nước ta, trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử các cơ quan có thẩm quyền đều phải tuyệt đối tuân thủ. Nguyên tắc này cũng hoàn toàn phù hợp với Công ước quốc tế về quyền trẻ em. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi phạm tội của NCTN các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan có thẩm quyền liên quan phải xác định rõ khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội mà hành vi phạm tội của họ gây ra, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, ý thức chủ quan, mức độ thiệt hại ... có như vậy mới giúp họ nhận thức ra lỗi lầm và sửa chữa để trở thành người có ích cho xã hội trong tương lai. [1], [3], [22]

Trong quá trình thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS và BLTTHS vẫn còn những vướng mắc, khó khăn, do vậy theo tác giả cần hoàn thiện, sửa đổi một số nội dung như sau:

** Hoàn thiện pháp luật hình sự*

- BLHS năm 2015 tuy đã có nhiều tiến bộ so với BLHS năm 1999 và được coi là một bước tiến vượt bậc về kỹ thuật lập pháp, ngày 1/7/2016 có hiệu lực tuy nhiên qua nghiên cứu thực tiễn vẫn còn những hạn chế, tồn tại gây không ít khó khăn cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm do NCTN thực hiện nói riêng.

- Về nguyên tắc xử lý đối với NCTN phạm tội, được quy định tại Điều 29, 91 BLHS năm 2015: “NCTN phạm tội *có thể* được miễn truy cứu TNHS ...”. Việc quy định từ “*có thể*” trong điều luật ảnh hưởng đến sự thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc thực hiện nguyên tắc xử lý NCTN phạm tội vì: Khi CQĐT đình chỉ điều tra (miễn truy cứu TNHS) đối với NCTN nhưng VKS vẫn quyết định truy cứu TNHS vì điều luật không quy định bắt buộc phải miễn truy cứu TNHS và như vậy việc áp dụng Điều 29, 91 BLHS phụ thuộc vào nhận thức chủ quan của chủ thể ADPL. Qua phân tích trên theo tác giả nên bỏ từ “*có thể*” tại Điều 29, 91 BLHS, điều luật nên quy định là “*NCTN được miễn TNHS, nếu người đó có đủ các căn cứ quy định tại điều 29, điều 91 BLHS*”.

- Đồng thời các nhà làm luật cần nghiên cứu bổ sung trách nhiệm cụ thể của gia đình, cơ quan, tổ chức trong việc nhận giám sát, giáo dục NCTN phạm tội có như vậy chúng ta mới thực hiện được nguyên tắc xử lý NCTN phạm tội là nhằm giúp đỡ, giáo dục họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người công dân có ích cho xã hội.

- Theo quy định tại điều 15 BLHS 2015 quy định phạm tội chưa đạt: Là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người phạm tội chưa đạt phải chịu TNHS về tội phạm chưa đạt.

Theo tác giả các quy định trong luật hình sự càng rõ ràng thì ít cần văn

bản hướng dẫn cũng như giải thích và trách nhận thức khác nhau cho nên tác giả cho rằng cần phải phân hóa quy định thêm một nội dung đó là: quy định phạm tội chưa đạt đã hoàn thành và phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành, trong đó quy định phạm tội chưa đạt đã hoàn thành phải xử lý nặng hơn trong điều luật (điều 15 BLHS).

- Theo quy định tại điều 17 BLHS 2015 về đồng phạm có 4 loại người gồm: Người tổ chức, người thực hành, người xúi dục, người giúp sức. Nhưng chưa phân hóa cụ thể theo hướng xử lý mức hình phạt theo hướng giảm dần; vì hiện nay hành vi này liên quan đến NCTN phạm tội rất nhiều; do vậy theo tôi đề xuất cần quy định phân hóa TNHS cần quy định mức nặng nhất và giảm dần theo 4 hành vi này như sau “nếu vụ án có đồng phạm thì lượng hình phải quy định hình phạt cao nhất đến giảm dần từ hành vi người tổ chức, người thực hành, người xúi dục, người giúp sức”.

- BLHS năm 2015 quy định các điều luật: Tại điểm d khoản 2 với điểm b khoản 3 điều 223; điểm h khoản 2 với điểm c khoản 3 điều 249; điểm d khoản 1 với điểm i khoản 2 điều 250; điểm d khoản 1 với điểm h khoản 2 điều 252; điểm b khoản 2 với điểm đ khoản 3 điều 304; điểm b khoản 2 với điểm a khoản 3 điều 305; điểm e khoản 2 với điểm đ khoản 3 điều 370 của BLHS năm 2015 có sự trùng hợp, mâu thuẫn do vậy tiến tới sẽ không biết xử lý theo điểm khoản nào do vậy kiến nghị đề xuất cần bãi bỏ những mâu thuẫn trùng lặp và điều chỉnh cho phù hợp.

- Tại điều 337 BLHS năm 2015 quy định về: Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy, tài liệu bí mật nhà nước và Điều 338 BLHS năm 2015 quy định tội: Vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước. Qua nghiên cứu tác giả cho rằng mặc dù điều luật có quy định về tội danh trên như không nêu về hành vi khách quan của 2 tội danh này trong điều luật gây nhận thức không đúng trong quá trình xử lý các

hành vi này; cho nên cần sửa đổi quy định hành vi khách quan trong 2 điều luật trên cho phù hợp.

** Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự*

- Điều 298 BLTTHS năm 2015 quy định về giới hạn việc xét xử tại khoản 3 quy định: Trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh VKS truy tố thì tòa án trả hồ sơ để VKS truy tố lại và thông báo rõ lý do cho bị cáo hoặc người đại diện cho bị cáo, người bào chữa biết; nếu VKS vẫn giữ tội danh đã truy tố thì tòa án có quyền xét xử bị cáo về tội danh đó.

Tuy nhiên thực tiễn có vụ án VKS cấp huyện truy tố bị cáo là NCTN có mức cao nhất khung hình phạt là 15 năm tù, nếu tòa cấp huyện xử nặng hơn là không đúng thẩm quyền, trả hồ sơ cho VKS thì VKS không chấp nhận vậy xử lý như thế nào. Theo tác giả cần quy định bổ sung trong trường hợp này cần quy định nếu thấy đủ căn cứ và cần thiết xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh VKS truy tố mà không đúng thẩm quyền của mình nếu VKS vẫn giữ tội danh quyết định đã truy tố, thì tòa án chuyển vụ án lên tòa án cấp trên để xem xét xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn đó theo đúng thẩm quyền.

- Theo quy định tại Điều 415 BLTTHS năm 2015: "người tiến hành tố tụng đối với vụ án NCTN phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án có liên quan NCTN có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với NCTN".

Theo tôi điều luật quy định những người tiến hành tố tụng đối với NCTN phạm tội phải là những người có những "hiểu biết cần thiết" về tâm lý học, về khoa học giáo dục ... cụm từ "hiểu biết cần thiết" là một quy định chung chung mang tính hình thức, định tính rất khó được xác định và bảo đảm trên thực tế. khó thực hiện vì "cần thiết" là bao nhiêu? Những hiểu biết đó từ đâu mà có? Vì vậy, để những quy định về tiêu chuẩn những người tiến hành tố tụng đối với NCTN phạm tội rõ ràng, cụ thể, mang tính khả thi, do đó, tôi kiến

ngợi bổ sung cụm từ: “là người được đào tạo, bồi dưỡng và có kinh nghiệm ít nhất 3 năm... bỏ cụm từ hiểu biết cần thiết” ở Điều 415 BLTTHS.

- Theo quy định tại Điều 418 BLTTHS năm 2015 thì chủ thể được giao nhiệm vụ giám sát là người đại diện của NCTN có trách nhiệm giám sát. Tuy nhiên, trong Điều 418 không quy định cụ thể nếu người đại diện của NCTN từ chối nghĩa vụ giám sát thì cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết như thế nào. Trên thực tế đã có những trường hợp, khi cơ quan tiến hành tố tụng giao NCTN cho người đại diện của NCTN đã từ chối trách nhiệm giám sát với lý do không thể giám sát được. Tác giả cho rằng trong mọi trường hợp khi đã xác định được người đại diện của NCTN thuộc đối tượng không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn thì người đại diện của NCTN phải nhận trách nhiệm giám sát mà không được từ chối. NCTN cần được sự quan tâm giáo dục, giám sát của gia đình kể cả trong những trường hợp các em có thực hiện hành vi phạm tội. Điều này sẽ giúp NCTN tránh được những mặc cảm, mà vẫn có cơ hội hoà nhập với cộng đồng, nhà trường và xã hội trong thời gian tham gia tố tụng. Một vấn đề vướng mắc nữa trong Điều 418 BLTTHS là không đặt ra trách nhiệm cụ thể nào đối với người có nghĩa vụ giám sát khi họ vi phạm nghĩa vụ giám sát để NCTN bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội. Như vậy sẽ không có gì là đảm bảo họ sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giám sát và kết quả của biện pháp này không cao.

Từ những phân tích trên, kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều 418 BLTTHS năm 2015 như sau: Những người được giao nhiệm vụ giám sát có nghĩa vụ giám sát, không được từ chối nghĩa vụ giám sát. Khi thực hiện nghĩa vụ giám sát họ phải có nghĩa vụ giám sát chặt chẽ NCTN. Trong trường hợp người đại diện của NCTN vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan thì sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 121 bộ luật này.

- Đối với NCTN thì ngoài việc phải tuân thủ các quy định chung thì còn phải tuân thủ các quy định ở Điều 419 BLTTHS 2015. Tuy nhiên, những

quy định về thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với NCTN còn những điểm bất hợp lý.

Thứ nhất, theo tôi, quy định như Điều 419 hiện nay về thủ tục bắt trong trường hợp đối với NCTN còn mang tính hình thức và trên thực tế hầu như không thể áp dụng được. Việc bắt quả tang đối với NCTN nên áp dụng theo thủ tục chung như người thành niên ở Điều 110, 111, 112 BLTTHS mà không cần phải phân biệt việc bắt đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hay từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi... Có như vậy mới nâng cao được tinh thần đấu tranh phòng, chống tội phạm của nhân dân, hơn nữa nó cũng không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của NCTN. Nhưng trước khi ra quyết định tạm giữ thì cơ quan có thẩm quyền phải xác minh nếu người bị bắt không thuộc đối tượng như Điều 419 quy định thì không được áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam mà phải áp dụng thủ tục giám sát với họ điều 418 BLTTHS 2015.

Thứ hai, việc quy định 2 mức tuổi để áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam khác nhau như hiện nay trong Điều 419 BLTTHS 2015 là không cần thiết. Vì việc xác định tuổi chịu TNHS chỉ đặt ra với việc định tội danh và xem xét mức hình phạt. Các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phải tiến hành các biện pháp xác minh tuổi của bị can, bị cáo là NCTN. Còn bắt, tạm giữ, tạm giam NCTN chỉ là những biện pháp ngăn chặn để đảm bảo thuận lợi cho việc điều tra, truy tố, xét xử. Thời hạn tạm giữ, tạm giam được tính vào thời hạn thi hành án phạt tù. Trong khi đó, thời hạn tạm giữ, tạm giam NCTN theo quy định của BLTTHS hiện nay vẫn được áp dụng như đối với người thành niên ở những trường hợp phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Do đó để đảm bảo thuận lợi cho công tác điều tra, truy tố, xét xử không nhất thiết phải quy định 2 loại đối tượng (từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi) khi áp dụng biện pháp ngăn chặn mà nên thống nhất chung là NCTN.

Từ những phân tích trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 419 BLTTHS năm 2015 như sau: NCTN có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu có đủ căn cứ quy định tại điều 110, 111, 112, 119 của BLTTHS năm 2015, nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

** Tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn pháp luật*

BLHS năm 1999 và BLTTHS năm 2003 trong thực tiễn áp dụng pháp luật gặp rất nhiều vướng mắc, trong một thời gian dài các cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành các văn bản hướng dẫn, giải thích một cách kịp thời. Ngày 1/7/2016 BLHS, BLTTHS năm 2015 có hiệu lực. Để đảm bảo tính thống nhất nâng cao hiệu quả THQCT nói chung và trong THQCT THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội nói riêng, công tác giải thích và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật cần đảm bảo tính kịp thời, giải thích. [1], [3], [18] Các giải pháp cụ thể là:

- Đối với Ủy ban thường vụ Quốc hội, cần thành lập một cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban trong việc giải thích pháp luật. Cơ quan này hoạt động chuyên nghiệp với những chuyên gia pháp lý đầu ngành, hiểu biết. Cơ quan này có sự liên kết chặt chẽ với các ngành hữu quan có thẩm quyền trên từng lĩnh vực. (Trong giải thích pháp luật liên quan đến việc xử lý NCTN phạm tội thì cơ quan đó là Tòa án nhân dân tối cao, VKSND tối cao, Bộ Công an, Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em...). Thành lập Tòa vị thành niên là phù hợp công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và yêu cầu trong tình hình mới.

- Đối với VKSND tối cao phải chủ động phối hợp với các cơ quan liên ngành trung ương nhất là với Tòa án nhân dân tối cao, trong hoạt động hướng dẫn về hình sự và TTHS phải có những bước chuẩn bị trước để mỗi khi có những văn bản pháp luật mới được ban hành hoặc có những sửa đổi của các đạo luật là phải ra ngay văn bản hướng dẫn áp dụng. [31]

- Đối với VKSND tỉnh Quảng Ngãi cần phải có kế hoạch chi tiết cụ thể về việc tập huấn cho KSV, cán bộ mỗi khi BLHS và BLTTHS được sửa đổi hoặc có văn bản hướng dẫn mới nhất là những văn bản liên quan đến lĩnh vực THQCT đối với vụ án NCTN phạm tội.

Việc giải thích và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật là công tác khó khăn và phức tạp. Đặc biệt trong xử lý NCTN phạm tội, đây là đối tượng được cả xã hội quan tâm giáo dục. Để đảm bảo xử lý đúng đắn, đáp ứng yêu cầu giáo dục, giúp đỡ NCTN sửa chữa sai lầm, pháp triển lành mạnh, các cơ quan có thẩm quyền cần phải có những nghiên cứu, khảo sát và từng bước đổi mới để góp phần nâng cao hiệu quả THQCT các vụ án hình sự nói chung và hoạt động THQCT các vụ án NCTN phạm tội nói riêng, đảm bảo tính thống nhất của pháp luật và pháp chế XHCN ở Việt Nam.

3.2.2. Nhóm các giải pháp đối với ngành Kiểm sát

** Kiện toàn tổ chức, nâng cao ý thức chính trị, đạo đức và trình độ năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên ngành Kiểm sát nhân dân*

- Về kiện toàn tổ chức, bộ máy

Để bảo đảm hoạt động THQCT của VKS nói chung, THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội nói riêng đạt chất lượng và hiệu quả, việc kiện toàn tổ chức bộ máy là việc làm có vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng. Khi nói đến công tác tổ chức, suy cho cùng là nói đến con người, đó là những chủ thể trực tiếp thực hiện hoạt động THQCT. Nhằm khắc phục những yếu kém, tồn tại về công tác tổ chức bộ máy, trong thời gian tới, cần thực hiện những giải pháp sau:

+ VKSND tối cao tiếp tục chỉ đạo toàn ngành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các đơn vị theo đúng quy định của Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ THQCT và kiểm sát các HĐTP của ngành Kiểm sát.

+ VKSND tỉnh cần rà soát xác định rõ nhu cầu về biên chế và cơ cấu KSV, kiểm tra viên để đề nghị VKS tối cao quyết định giao biên chế cho phù hợp. Nhu cầu về biên chế không chỉ được xác định trên cơ sở khối lượng công việc như: số lượng án thụ lý, giải quyết hàng năm mà phải còn được xác định căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành về công tác kiểm sát các HĐTP (*phải định hình được số lượng công việc trong một năm*), các nhiệm vụ chính trị khác thuộc phạm vi ngành phải giải quyết và các điều kiện về tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội của từng đơn vị. Trên cơ sở đó, VKS tỉnh báo cáo VKS tối cao tổng hợp để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin bổ sung biên chế cho ngành và phân bổ biên chế cho các địa phương, đơn vị.

+ Công tác quy hoạch cán bộ phải được làm thường xuyên và liên tục nhằm tạo nguồn cán bộ cho việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt cũng như về lâu dài, đảm bảo tính liên tục, kế thừa, khắc phục tình trạng thiếu hụt, chắp vá. Vì vậy, phải hết sức coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ, KSV trẻ, KSV chủ chốt. Tiêu chuẩn hoá cán bộ, KSV ở chức danh, từng cấp; lấy tiêu chuẩn này làm cơ sở để quản lý, đào tạo và thực hiện chính sách cán bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, KSV phải được làm một cách khách quan, toàn diện cả về mặt chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tiễn. Xác định rõ yêu cầu, nhiệm vụ và mục tiêu đào tạo trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cụ thể để xây dựng chương trình, kế hoạch và nội dung đào tạo phù hợp và hiệu quả. Cùng với đó, cần chủ động đề nghị với VKSND tối cao, Ban tổ chức Tỉnh uỷ phối hợp với Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ có năng lực, triển vọng đưa đi học tập Cao cấp và cử nhân chính trị; có chiến lược cử cán bộ, KSV đi học tập, nghiên cứu chuyên sâu (thạc sĩ, tiến sĩ) để có xây dựng nguồn nhân lực tương lai cho ngành và thực sự trở thành những chuyên gia đầu ngành THQCT và kiểm sát các HĐTP.

- *Nâng cao ý thức chính trị và phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, Kiểm tra viên, KSV*

+ Trong những năm qua, chúng ta phải khẳng định rằng về cơ bản cán bộ, KSV ngành KSND nói chung và VKSND ở tỉnh Quảng Ngãi nói riêng đều có lập trường chính trị kiên định, vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có lương tâm trong sáng, biết tự mình vượt qua những khó khăn trở ngại, giữa vững tác phong Người cán bộ kiểm sát. Tuy nhiên, thực tế cũng còn một bộ phận cán bộ, KSV bị sa ngã trước những cám dỗ vật chất tầm thường, vi phạm kỷ luật nghiệp vụ, vi phạm pháp luật phải bị xử lý. Đó được xem là thực trạng đáng buồn của ngành Kiểm sát và là nguyên nhân dẫn đến tình trạng để lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội, vi phạm các quyền cơ bản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với hoạt động của các Cơ quan tư pháp nói chung, đối với hoạt động của ngành Kiểm sát nói riêng.

+ Bên cạnh việc phát hiện, kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời các cán bộ, KSV có vi phạm pháp luật trong hoạt động THQCT và kiểm sát các HĐTP; công tác giáo dục nâng cao ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, KSV là việc làm có ý nghĩa hết sức quan trọng, đòi hỏi ngành Kiểm sát phải quan tâm làm thường xuyên và liên tục.

- *Nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, Kiểm tra viên, KSV*

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị đã nêu rõ: “Công tác cán bộ tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay. Đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ năng lực nghiệp vụ...”. Do vậy, nâng cao trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, KSV là việc làm có ý nghĩa quyết định nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém trong hoạt động THQCT của ngành Kiểm sát nhân dân. Cần

phải chú ý theo các hướng trọng tâm:

+ Tập trung bồi dưỡng, giáo dục để mỗi cán bộ, kiểm tra viên, KSV nhận thức sâu sắc và thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát; xác định rõ vị trí, vai trò của ngành trong mối quan hệ với các cơ quan tư pháp khác và trong Bộ máy Nhà nước, giúp cho ngành Kiểm sát và mỗi KSV phát huy được tính độc lập của mình, chủ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra, đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, không để lọt người, lọt tội, không làm oan người vô tội.

+ Xuất phát từ thực tế hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung, của ngành Kiểm sát nói riêng chính là hoạt động THQCT; do vậy công tác đào tạo, bồi dưỡng phải nhằm giúp cho cán bộ, kiểm tra viên, KSV có kiến thức pháp lý sâu rộng, đặc biệt là pháp luật hình sự và TTHS; bên cạnh đó là kiến thức về tâm sinh lý, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm của NCTN. [33]

** Tăng cường và đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và kiểm tra của Viện kiểm sát cấp trên đối với Viện kiểm sát cấp dưới*

Phải tăng cường hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, trong thời gian tới cần quán triệt và triển khai thực hiện tốt một số nội dung sau:

Từng đơn vị và mỗi cán bộ, kiểm tra viên, KSV phải nhận thức và quán triệt sâu sắc các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của ngành theo đúng quy định Luật Tổ chức VKSND năm 2014. Mọi hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành đều do Viện trưởng thống nhất chỉ đạo thực hiện; cán bộ, KSV trong đơn vị phải tuyệt đối tuân thủ sự chỉ đạo điều hành của Viện trưởng; Viện trưởng VKS cấp dưới chịu sự quản lý, chỉ đạo điều hành của Viện trưởng VKS cấp trên trực tiếp; Viện trưởng VKS địa phương chịu sự quản lý, chỉ đạo

điều hành tập trung thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao;

Để bảo đảm hiệu quả hoạt động, tránh hiện tượng chuyên quyền, độc đoán của Viện trưởng, Luật tổ chức VKSND quy định thành lập Ủy ban Kiểm sát tại VKSND tối cao, VKS cấp cao và VKSND cấp tỉnh để thảo luận và quyết định theo đa số những vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của ngành.

Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Viện trưởng đối với hoạt động của đơn vị, đòi hỏi Viện trưởng phải có sự phân công, phân nhiệm cho từng bộ phận công tác và cho từng cán bộ, KSV một cách hợp lý nhằm phát huy hết năng lực sở trường của họ, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận công tác. Đồng thời, phải nắm được đầy đủ, sâu sát và toàn diện từng vấn đề, từng nội dung công việc, nhất là những vấn đề quan trọng, phức tạp để chỉ đạo kịp thời.

Thực hiện nhất quán, đồng bộ hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành được thực hiện thông qua việc xây dựng, triển khai và kiểm tra việc thực hiện các Chỉ thị, Kế hoạch, Chương trình công tác hàng năm, thông qua việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quản lý công tác trong ngành...

Thực hiện thường xuyên, liên tục công tác kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ; qua công tác kiểm tra để nắm chất lượng hoạt động thực tế trong hoạt động nghiệp vụ của từng đơn vị, kịp thời phát hiện những sai phạm, thiếu sót để uốn nắn, rút kinh nghiệm. Đồng thời, khắc phục tình trạng, một số đơn vị do chạy theo thành tích mà báo cáo không đầy đủ kết quả công tác, đặc biệt là về những thiếu sót, tồn tại của đơn vị.

** Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho ngành Kiểm sát và hoàn thiện chế độ chính sách đối với cán bộ, kiểm tra viên, kiểm sát viên*

Để đảm đương được chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát trong tình hình đất nước ngày càng hội nhập Quốc tế sâu rộng hơn, thì đòi hỏi

không những KSV cần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, mà cơ sở vật chất trang thiết bị làm việc, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, KSV của ngành Kiểm sát nói chung cũng cần được nâng cao hơn nữa.

Với thực trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc và các chế độ chính sách đối với cán bộ, KSV ngành Kiểm sát hiện nay, cá nhân tôi xin đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị làm việc cho ngành Kiểm sát cần phải đồng bộ, thiết thực. Chẳng hạn, trang bị xe ô tô cho các VKSND cấp huyện, thì cùng với nó là cho thêm biên chế lái xe, thêm về kinh phí đủ để hoạt động khi có xe ô tô... trang thiết bị cần được trang bị nhất là về công nghệ thông tin đã lỗi thời, đã lạc hậu không đáp ứng được nhiệm vụ được giao; đồng thời với việc nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác của ngành; cần thường xuyên rà soát, trang bị đầy đủ có hệ thống các văn bản pháp luật, tài liệu tham khảo, tài liệu tổng kết rút kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề liên quan đến THQCT, THQCT trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự nói riêng cho Lãnh đạo, cán bộ, KSV làm công tác này nói riêng và cho toàn ngành nói chung.

Thứ hai, có chính sách tiền lương đặc thù đối với ngành Kiểm sát và có chế độ đãi ngộ cho cán bộ, KSV nhằm tạo bước đột phá để thu hút nhân lực có chất lượng cao cho ngành Kiểm sát, ngay từ khâu tuyển chọn đầu vào và đảm bảo cho đội ngũ KSV đang công tác thực sự tin tưởng, an tâm công tác, dốc toàn tâm, toàn lực hết lòng cống hiến cho ngành. Vì vậy, cần sửa đổi bậc lương của ngành cao hơn hiện nay.

Đối với chế độ phụ cấp thâm niên nghề nên quy định cho đối tượng là cán bộ, Kiểm tra viên được hưởng và thời điểm được hưởng kể từ ngày vào ngành kiểm sát (*hiện nay chỉ áp dụng đối với KSV, Kiểm tra viên sau năm*

năm kể từ khi bổ nhiệm mới được hưởng); tăng phụ cấp đối với các ngạch KSV các cấp để phù hợp với tính chất công việc đặc thù của ngành Kiểm sát, có như vậy mới phù hợp với Luật tổ chức VKSND và Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2006 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đề ra: “có chế độ, chính sách tiền lương, khen thưởng phù hợp với lao động của cán bộ tư pháp”.

Thứ ba, Đổi mới và hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan và HĐTP theo hướng ngân sách tư pháp do Quốc hội phân bổ và giao cho các cơ quan tư pháp địa phương quản lý và sử dụng. Cần có qui định cụ thể về việc được tiếp nhận kinh phí từ địa phương hỗ trợ và đồng thời với đó là sửa đổi các Luật có liên quan cho phép địa phương hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các cơ quan tư pháp từ khoản vượt thu ngân sách địa phương. [21, tr.6-7]

3.2.3. Nhóm các giải pháp khác

** Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của ngành Kiểm sát nói chung và hoạt động áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra vụ án do người chưa thành niên phạm tội nói riêng*

Để nâng cao hơn nữa chất lượng THQCT nói chung, THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội nói riêng; trong thời gian tới, toàn ngành Kiểm sát Quảng Ngãi phải nhận thức và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của ngành. Các cấp uỷ đảng cũng cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo đối với hoạt động của các Cơ quan tư pháp và ngành Kiểm sát theo hướng sau:

- Đảng lãnh đạo ngành Kiểm sát và các Cơ quan tư pháp khác chặt chẽ về chính trị, tổ chức và cán bộ, bảo đảm hoạt động của ngành Kiểm sát và các Cơ quan tư pháp khác được thực hiện đúng quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước; khắc phục tình trạng cấp uỷ buông lỏng lãnh đạo hoặc cấp uỷ

can thiệp vào HĐTP; cán bộ tư pháp và Cơ quan tư pháp thoát ly sự lãnh đạo của tổ chức Đảng hoặc thiếu tính chủ động, ý lại cấp ủy; xây dựng và hoàn thiện hệ thống quan điểm của Đảng về lĩnh vực tư pháp.

- Tăng cường công tác xây dựng Đảng, giáo dục, quản lý, kiểm tra hoạt động của các tổ chức Đảng, của đảng viên và chăm lo công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, bố trí, sử dụng đúng cán bộ trong ngành Kiểm sát và các cơ quan tư pháp khác.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp làm việc giữa các tổ chức Đảng với các cơ quan tư pháp và các ban, ngành có liên quan theo hướng, cấp ủy định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến định hướng về công tác tư pháp. Xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư pháp.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của ngành phải được thực hiện một cách toàn diện, chặt chẽ cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ, từ quá trình xây dựng chủ trương, đường lối, quan điểm đến việc chỉ đạo thực hiện đường lối, quan điểm đó. Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020. [3]

** Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát với các cơ quan bảo vệ pháp luật trên địa bàn trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm đối với người chưa thành niên*

Tăng cường phối hợp giữa CQĐT, VKS và Toà án là mối quan hệ để thông tin trao đổi, bàn bạc, tạo nên sự thống nhất cao trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng ngành và quy định của pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được khởi tố điều tra, xử lý nghiêm minh, kịp thời bảo đảm việc ra quyết định có căn cứ, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Để làm tốt công tác phối hợp, giữa CQĐT và VKSND phải sửa đổi,

hoàn thiện quy chế phối hợp, dựa trên những quy định của Bộ luật TTHS, các thông tư hướng dẫn và tình hình thực tế địa phương, quy định chi tiết, cụ thể các tình huống, các bước xử lý trong quá trình điều tra, THQCT ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự. Về nguyên tắc, trong quan hệ giữa CQĐT và VKS thì ĐTV là đối tượng phải chấp hành các yêu cầu của KSV. Tuy nhiên, để đi đến kết quả là điều tra làm rõ và xử lý kịp thời chính xác các thao tác nghiệp vụ của vụ án hình sự thì giữa ĐTV và KSV phải có sự phối kết hợp chặt chẽ; các yêu cầu của KSV phải được ĐTV chấp hành triệt để. Ngược lại, các yêu cầu, đề nghị của KSV cũng phải có căn cứ chính xác và xét thấy cần thiết, không nên yêu cầu cả những việc vụn vặt không cần thiết, thiếu căn cứ dẫn đến ĐTV phản ứng không thực hiện.

VKS phối hợp với Tòa án đưa ra xét xử các phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp để tất cả các Thẩm phán, KSV tham dự, sau khi bế mạc phiên tòa tham gia góp ý và rút kinh nghiệm chung. [22]

** Hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và của nhân dân*

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử và của nhân dân, thấy cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

- Sửa đổi và hoàn thiện Luật tổ chức và hoạt động của HĐND các cấp về hoạt động giám sát theo hướng quy định rõ trách nhiệm các Ban chuyên trách; của cá nhân đại biểu; của HĐND tại các kỳ họp; quy định rõ hình thức giám sát; quy định rõ trách nhiệm của cơ quan được giám sát, của cơ quan liên quan, của công dân trong việc bảo đảm thực hiện các yêu cầu, kết luận của cơ quan giám sát, của đại biểu HĐND.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng giám sát của HĐND là một đòi hỏi khách quan, mà trước hết phải đổi mới chất lượng của HĐND các cấp theo hướng tăng cường đại biểu hoạt động chuyên trách; nâng cao chất lượng đại biểu, theo đó những đại biểu theo cơ cấu thành phần xã hội, thành phần dân

tộc cũng phải đạt tiêu chuẩn về trình độ học vấn và trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất định mới được ứng cử làm đại biểu HĐND.

- Phát huy vai trò giám sát của cá nhân đại biểu HĐND đối với hoạt động của VKS và các cơ quan tư pháp khác. Phân công những đại biểu có chuyên môn về lĩnh vực pháp luật trực tiếp phụ trách việc giám sát hoạt động của VKS và các cơ quan tư pháp khác. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu VKS và các cơ quan tư pháp các cấp trong việc xử lý, thực hiện các kết luận qua giám sát, đảm bảo các nội dung đã kết luận đều được thực hiện đầy đủ kịp thời.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự của VKSND và các cơ quan tư pháp, VKS phải chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc để ban hành quy chế phối hợp công tác giữa ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc và VKSND, từ đó mở rộng các hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến nâng cao nhận thức, sự hiểu biết pháp luật cho các tầng lớp nhân dân, để họ tham gia tích cực, có hiệu quả vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như kiểm tra, giám sát hoạt động trong giải quyết án hình sự của ngành Kiểm sát và các cơ quan tư pháp khác. [18]

Kết luận Chương 3

Qua phân tích đánh giá một cách khách quan, toàn diện những hạn chế, tồn tại của hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra nói chung và THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội tỉnh Quảng Ngãi nói riêng.

Trên cơ sở nhận thức chung về các yếu tố đảm bảo trong THQCT ở giai đoạn điều tra của VKS và phân tích về nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực hoạt động này, tác giả đưa ra các giải pháp cụ thể

nhằm đảm bảo việc THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKS đạt hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Bao gồm các nhóm giải pháp sau: Nhóm giải pháp về hoàn thiện pháp luật hình sự và TTHS, về tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật; Nhóm giải pháp đối với ngành Kiểm sát, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức của cán bộ, KSV ngành Kiểm sát nhân dân, tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và kiểm tra trong ngành Kiểm sát; Nhóm các giải pháp khác, đó là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ phối hợp liên ngành trong giải quyết án hình sự và hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và của nhân dân đối với hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra của VKSND.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết, sửa đổi Hiến pháp và Luật quy định chức năng, nhiệm vụ của VKS là THQCT và kiểm sát các HĐTP. Đây là cơ sở phương pháp luận để tác giả tiếp cận, nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về THQCT ở giai đoạn điều tra của VKSND nói chung và THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội ở tỉnh Quảng Ngãi nói riêng. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu có thể khẳng định rằng, NCTN là người đang ở lứa tuổi mà khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi tội phạm bị hạn chế và thường bị tác động mạnh mẽ bởi những điều kiện bên ngoài. Chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với NCTN chủ yếu là giáo dục và giúp đỡ họ sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh để trở thành người công dân có ích cho xã hội. Do vậy, THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án do NCTN phạm tội của VKSND có những đặc thù riêng, khác với những vụ án người thành niên phạm tội. Có thể nói rằng, những vấn đề lý luận chung về nhận thức về QCT, THQCT của VKSND là cơ sở, nền tảng để tác giả phân tích làm rõ khái niệm, đặc điểm THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội. Luận văn cũng tập trung phân tích làm rõ khái niệm quy trình, các giai đoạn của quy trình và các yếu tố đảm bảo việc THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội; coi đó là cơ sở, nền tảng để phân tích thực trạng và các giải pháp đảm bảo việc THQCT ở giai đoạn điều tra của VKS ở các nội dung tiếp theo.

Quá trình nghiên cứu luận văn có sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh... Qua nghiên cứu, đánh giá nhận thấy, trong những năm qua, hoạt động THQCT của VKS trong điều

tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ, góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, đối chiếu với chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và trước yêu cầu nhiệm vụ của cải cách tư pháp, THQCT ở giai đoạn điều tra những năm qua còn bộc lộ không ít những hạn chế, tồn tại. Những hạn chế, tồn tại đó do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, song nguyên nhân chủ quan vẫn là cơ bản và chủ yếu, trong đó đáng chú ý là trình độ năng lực chuyên môn và kiến thức pháp lý của một bộ phận không nhỏ cán bộ, KSV ngành Kiểm sát còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Qua việc đánh giá một cách tổng thể, có thể khẳng định ưu điểm và kết quả đạt được THQCT ở giai đoạn điều tra của VKSND ở tỉnh Quảng Ngãi vẫn là cơ bản. Những hạn chế, tồn tại chiếm tỷ lệ không đáng kể; tuy nhiên xuất phát từ tính đặc thù của hoạt động THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội, nên bất kỳ sai sót, tồn tại nào cũng để lại những hậu quả to lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền của công dân được pháp luật bảo vệ, đặc biệt đó là đối tượng NCTN. Do vậy, nâng cao chất lượng THQCT của VKSND nói chung, THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội nói riêng là một yêu cầu và đòi hỏi khách quan trong điều kiện hiện nay.

Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn hoạt động THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội, tác giả đã đề xuất quan điểm bảo đảm THQCT đạt hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và đưa ra một số giải pháp cơ bản, đó là: Nhóm giải pháp về hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhóm giải pháp đối với ngành Kiểm sát và nhóm các giải pháp khác. Các nhóm giải pháp trên có thể là chưa đầy

đủ, tuy nhiên xuất phát từ việc tổng hợp, khái quát từ thực tiễn THQCT của VKS trong điều tra các vụ án của người chưa thành niên phạm tội, do vậy có cơ sở để xem xét và đánh giá về tính thuyết phục, có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BLHS, BLTTHS 2015, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/05/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (2001), "Những vấn đề lý luận về chế định quyền công tố", Báo cáo tại Hội nghị khoa học: *Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát trong tình hình mới*, do Ủy ban pháp luật của Quốc hội tổ chức (Tp. Hồ Chí Minh, ngày 2/4/2001).
6. Công an tỉnh Quảng Ngãi, *Các báo cáo tổng kết tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm trên địa bàn tỉnh các năm từ 2011 đến 2015*.
7. Công an tỉnh Quảng Ngãi, *Các báo cáo tổng kết tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm của người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh các năm từ 2011 đến 2015*.
8. Ngô Văn Độn (Chủ biên) (2004), *Nâng cao chất lượng kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố với vấn đề thông khâu và chuyên khâu trong công tác kiểm sát hình sự*, Hà Nội.
9. Đồng tác giả (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
10. Đỗ Văn Dương (2006), "Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, Hà Nội.
11. Phạm Hồng Hải (1999), "Bàn về quyền công tố", *Tạp chí Nhà nước và*

pháp luật, Hà Nội.

12. Lê Thị Tuyết Hoa (2002), *Quyền công tố ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ khoa học Luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
13. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Hà Nội.
14. *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Nguyễn Đức Mai (2007), "Tổ chức và hoạt động của viện công tố ở Việt Nam trong giai đoạn cải cách tư pháp", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, Hà Nội.
16. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Nguyễn Thái Phúc (1995), "Một số vấn đề quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân", *Báo cáo hội thảo khoa học về tổ tụng hình sự*.
18. Đinh Văn Quế (2007), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
19. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phần chung*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Quốc hội, *Hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980 và 1992)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Quốc hội *BLTTHS, BLHS*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Vũ Xuân Thoang (2008), *Áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát nhân dân đối với vụ án người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*. Luận văn thạc sĩ.
24. Lê Hữu Thử (Chủ biên) và đồng tác giả (2008), "*Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*", Nxb Tư pháp, Hà Nội.
25. Trần Quang Tiệp (2005), "Một số vấn đề lý luận về biện pháp ngăn chặn

trong tố tụng hình sự", Tạp chí *Kiểm sát*, (4), Hà Nội.

26. Hà Mạnh Trí (2003), “Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp góp phần đẩy mạnh cải cách tư pháp”, Tạp chí *Nghiên cứu Lập pháp*, (1), Hà Nội.
27. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2012), *Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế - xã hội năm 2011-2015*.
28. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2015), *Cổng thông tin điện tử, Vị trí địa lý, hành chính, tự nhiên và dân cư*.
29. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2006), *Sổ tay Kiểm sát viên hình sự*, Hà Nội.
30. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2008), “Báo cáo tổng hợp vướng mắc về nhận thức và áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật khác từ các bài viết gửi về tạp chí kiểm sát năm 2007”, *Tạp chí Kiểm sát* Hà Nội.
31. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2008), *Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự*, Hà Nội.
32. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2002), *Sổ chuyên đề: “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực hành quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay”*, Thông tin khoa học pháp lý, Hà Nội.
33. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2006), *Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
34. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2012-2015), *Báo cáo chất lượng cán bộ, công chức theo chức danh*.
35. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2013), *Các báo cáo tổng kết công tác kiểm sát các năm từ 2011 đến 2015*.
36. Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (1995), *Tội phạm học, Luật*

hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

37. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Võ Khánh Vinh bình luận BLHS, THHS 2014.